



A TOTAL LOGISTICS PROVIDER

Annual Report 2011

TRANSIMEX-SAIGON



Nhà Cung Cấp Dịch Vụ Logistics Tổng Thể
A Total Logistics Provider





TRANSPORTATION FREIGHT FORWARDING LOGISTICS

T

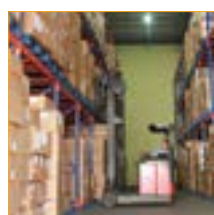
Nhà cung cấp
dịch vụ Logistics tổng thể



MULTIMODAL TRANSPORT MULTIMODAL SCOPES.

M

Hướng tới một tập đoàn
đa ngành, phát triển bền vững



SERVICES - SUPPLY CHAIN LOGISTICS

S

Cung ứng chuỗi dịch vụ
chuyên nghiệp, chất lượng hàng đầu

TỔNG QUAN

Thông điệp của chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	6
Giới thiệu chung Công ty	8
Quá trình hình thành	9
Quá trình phát triển	10
Định hướng phát triển	11
Giải thưởng - thành tựu	12
Những sự kiện nổi bật trong năm 2011	14

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	18
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	22
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	28
Thông tin cổ đông	29

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Sơ đồ tổ chức	32
Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	34
Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	35
Giới thiệu Ban Kiểm Soát	36

MẠNG LƯỚI VÀ CÔNG TY THÀNH VIÊN

Hội sở và các chi nhánh	40
Công ty thành viên và Công ty liên doanh	41

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán	45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	46
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất	49
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	50
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (theo phương pháp gián tiếp)	51
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	53
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	83

Message from the chairman of the management board	84
Outstanding events in 2011	86
Company's history	87
Development orientation	88
Board of management's annual report	89
Board of Director's report	93
Inspection committee's report to the 2010-2011	98



Bình minh
tấp nập, rộn ràng

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
Thông tin chung
Quá trình hình thành
Quá trình phát triển

Định hướng phát triển
Giải thưởng, thành tựu
Những sự kiện nổi bật trong năm 2011

Tổng doanh thu năm 2011 đạt

281,2 Tỷ đồng

Quyết định đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương - Vinafreight (VNF) và đạt tỉ lệ sở hữu 24,83% vốn điều lệ, mở ra một cơ hội liên kết, hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực dịch vụ Logistics hàng không giữa Transimex-Saigon và Vinafreight



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trải qua gần 30 năm xây dựng và phát triển, những thành tựu mà Transimex-Saigon đạt được ngày hôm nay là nhờ định hướng chiến lược phù hợp, đúng đắn, áp dụng triệt để quy trình quản lý chất lượng ISO, quy trình quản trị rủi ro, sự điều hành năng động, hơn hết là sự đóng góp của tất cả cán bộ - nhân viên nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ, luôn cống hiến hết năng lực của mình cho sự phát triển của Công ty.

Tập thể cán bộ - nhân viên Công ty Transimex-Saigon sẽ luôn tự hào với những thành công ngày hôm nay và sẽ tiếp tục cố gắng với tinh thần học hỏi và sáng tạo không ngừng, đưa Transimex-Saigon lên những nấc thang phát triển cao hơn.

Để đạt được kế hoạch kinh doanh trong năm 2012, Hội đồng quản trị đặt ra những chiến lược phát triển bền vững, tiếp tục phát huy những lợi thế về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực của Công ty như sau:

- » Tập trung phát triển ngành nghề truyền thống bằng các biện pháp:
 - Tập trung mọi nguồn lực để khai thác, sử dụng có hiệu quả cao nhất cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đã đầu tư tại ICD Transimex. Phát triển các dịch vụ bãi container, tăng sản lượng của các kho CFS, kho ngoại quan, đặc biệt là kho lạnh để đạt được công suất sử dụng tối đa.
 - Đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng, mặt bằng để kinh doanh thêm lĩnh vực kho thường, mở rộng diện tích khai thác trong lĩnh vực Cảng ICD.
 - Tăng cường đầu tư trang thiết bị để phát triển mảng dịch vụ giao nhận hàng dự án, hàng siêu trường siêu trọng. Phát triển dịch vụ 3PL cho các khách hàng ở Khu chế xuất, Khu công nghiệp.
 - Đầu tư thêm phương tiện để phát triển dịch vụ vận chuyển bằng đường thủy nội địa.
 - Tiếp tục gia tăng tỉ lệ đầu tư vào các công ty cùng ngành nghề, các Công ty có tiềm năng, đặc biệt là

các Công ty hoạt động trong lĩnh vực Cảng biển, ICD, dịch vụ hàng không,... Đẩy mạnh hợp tác chiến lược với các Công ty này để hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics tổng thể của Transimex-Saigon.

- » Thực hiện tốt quy trình quản lý chất lượng và hệ thống quản trị rủi ro.
- » Kiểm soát tốt chi phí, quản lý thật tốt giá thành dịch vụ, kiểm soát đầu tư, khai thác, sử dụng tài sản cố định, cơ sở hạ tầng hợp lý để tạo ra sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh.
- » Xây dựng chiến lược tiếp thị bán dịch vụ có hiệu quả, tập trung công tác phát triển mở rộng thị trường và đối tượng khách hàng.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi cam kết phấn đấu hết sức mình để đem lại lợi ích tối đa cho các cổ đông, khách hàng và cán bộ, nhân viên của Transimex-Saigon.

Nhân dịp này, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các Quý vị Cổ đông, cảm ơn Quý khách hàng, đối tác đã đặt niềm tin và hợp tác với Transimex-Saigon; cảm ơn các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã giúp đỡ Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý vị trong thời gian tới. Đồng thời, cho phép tôi thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, xin chân thành cảm ơn toàn thể CB-CNV đã cống hiến hết sức mình vào sự phát triển của Công ty.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Kính chào trân trọng

Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý vị!

Mặc dù tình hình kinh tế của thế giới và cả nước năm 2011 gặp rất nhiều bất lợi và khó khăn, nhưng đây là năm Transimex-Saigon đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay. Bên cạnh sự tăng trưởng đều đặn về các chỉ số tài chính, quy mô về vốn của Công ty cũng đã tăng đáng kể. Từ lúc niêm yết đầu tiên tại Sở GDCK TP.HCM vào tháng 8/2000 với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng, đến nay, vốn điều lệ Công ty đã tăng lên gần 183 tỷ đồng, từ mức doanh thu năm 2001 là 70 tỷ đồng, đến năm 2011, tổng doanh thu đạt 281 tỷ đồng. Các lĩnh vực hoạt động của Transimex-Saigon luôn hướng về sự tăng trưởng cả về chất và lượng. Bằng nhiều biện pháp phát huy nội lực, Công ty luôn

chú trọng phát triển ngành nghề truyền thống, mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất mới hiện đại, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, có một bộ máy làm việc năng động, luôn hướng vào hoàn thiện nâng cao các dịch vụ, luôn giữ vững quy mô phát triển, ổn định tài chính, mở rộng quan hệ với nhiều đối tác, nắm bắt các cơ hội của thị trường và xây dựng chiến lược hiệu quả để gặt hái thành công. Thương hiệu của Transimex-Saigon luôn được khẳng định qua các hợp đồng thực hiện dịch vụ logistics với các đối tác và khách hàng lớn trong và ngoài nước. Transimex-Saigon luôn hướng đến mục tiêu trở thành 1 doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ logistics tổng thể.

GIỚI THIỆU CHUNG CÔNG TY

GENERAL INFORMATION

Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP.HCM
Tên tiếng Anh	TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION HOCHIMINH CITY
Tên giao dịch	TRANSIMEX-SAIGON
Mã chứng khoán	TMS
Địa chỉ trụ sở chính	Lầu 9-10, TMS BUILDING, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP.Hồ Chí Minh.
Điện thoại	+ 84-8-2220 2888 (16 lines)
Fax	+ 84-8-2220 2889
Email	info@transimexsaigon.com
Website	www.transimexsaigon.com
Vốn điều lệ	182.758.700.000 đồng (Một trăm tám mươi hai tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng).
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.275.870 CP
Ngân hàng	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
Số tài khoản	VNĐ 007.100.0006146 – USD 007.137.0082671.
Giấy đăng ký kinh doanh số	0301874259 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 02/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 20.

Company's Vietnamese name	CONG TY CO PHAN KHO VAN GIAO NHAN NGOAI THUONG HO CHI MINH CITY.
Company's English name	TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION – HOCHIMINH CITY.
Transaction name	TRANSIMEX-SAIGON
Securities code	TMS
Address of head office	9-10th Floor, TMS BUILDING, 172 Hai Ba Trung Street, Dakao Ward, District I, HCMC.
Tel	+84-8-2220 2228
Fax	+84-8-2220 2889
Email	info@transimexsaigon.com
Website	www.transimexsaigon.com
Charter capital	VND 182,758,700,000 (one hundred eighty-two billion, seven hundred fifty-eight million seven hundred)
Quantity of share issued	18,275,870 Common shares
Account at	Vietcombank-Ho Chi Minh City Branch
Account No.	VND 007.100.0006146; USD 007.137.0082671.
Certificate of Business Registration No.	0301874259, Registered for revision the 20th, issued on Nov 2nd 2011 by HCMC Department of Planning and Investment.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

THÀNH LẬP

Tiền thân của Công ty Transimex-Saigon là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1983, tại 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận I, TP.HCM.

CỔ PHẦN HÓA

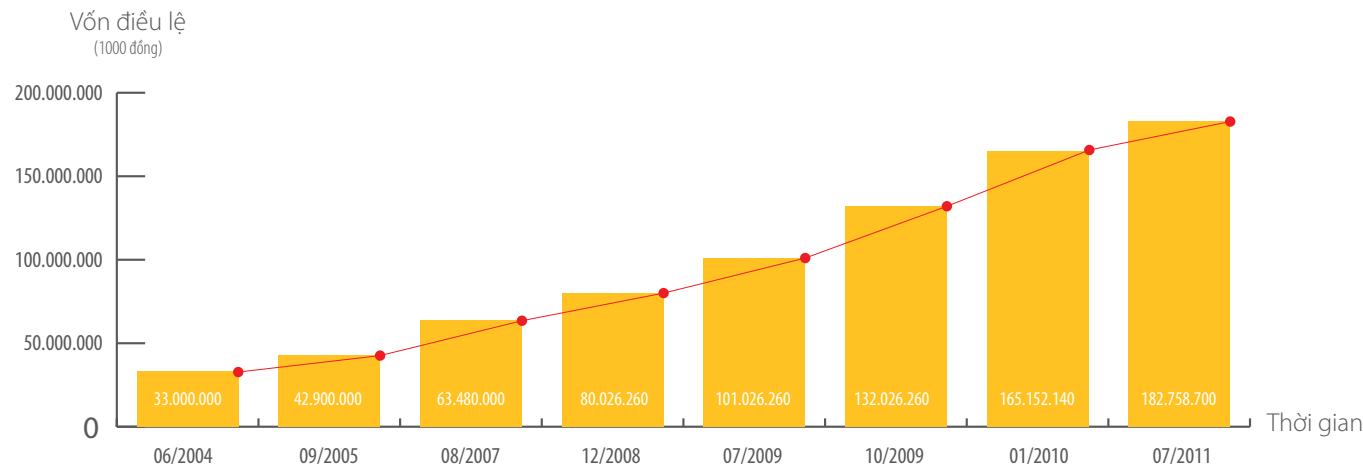
Ngày 01/01/2000, Công ty Cổ phần Kho Vận Giao nhận Ngoại Thương TP.HCM chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 1999 của Thủ Tướng Chính Phủ, hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 22.000.000.000 đồng.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU TIÊN

Ngày 04/08/2000, tổng số: 2.200.000 Cổ phiếu của Transimex-Saigon chính thức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán TMS, giá chào sàn: 14.000 đồng/cổ phiếu.

CÁC ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ hiện tại 182.758.700.000 đồng, quá trình tăng vốn như sau:



STT	Tháng/ Năm	Vốn điều lệ sau khi tăng (1.000 đồng)
Lần 1	Tháng 06/2004	33.000.000
Lần 2	Tháng 09/2005	42.900.000
Lần 3	Tháng 08/2007	63.480.000
Lần 4	Tháng 12/2008	80.026.260
Lần 5	Tháng 07/2009	101.026.260
Lần 6	Tháng 10/2009	132.026.260
Lần 7	Tháng 1/2010	165.152.140
Lần 8	Tháng 7/2011	182.758.700

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT PROCESS

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Từ năm 1983 đến nay, gần 30 năm hình thành và phát triển, hiện nay Công ty Transimex–Saigon vẫn luôn duy trì hoạt động các ngành chính hiện có và mở rộng phát triển thêm các ngành có thể mạnh khác, cụ thể như sau:
- » Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ.
 - » Dịch vụ Cảng ICD, kho ngoại quan, kho CFS, kho Lạnh và kho thường. Dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; làm thủ tục Hải Quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa cho tàu biển trong và ngoài nước.
 - » Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển.
 - » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
 - » Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa.
 - » Đầu tư vốn vào các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong và ngoài nước.
 - » Đầu tư kinh doanh Tài chính – Chứng khoán.
 - » Dịch vụ cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển các dự án bất động sản.
 - » Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa.
 - » Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh.
 - » Chuyển phát; Đại lý du lịch; kinh doanh tổng hợp.

LINES OF BUSINESS

- Nearly 30 years of development since its establishment in 1983, Transimex-Saigon has maintained its main lines of business and set up some new lines over which the company has an advantage. The current lines of business are as follows:
- » International freight forwarding sea - air - land.
 - » Bonded warehouse services; container freight station (CFS) services; Warehousing and port services; customs clearance services, shipping agency, and cargo broker.
 - » Warehousing; Cargo loading & unloading service.
 - » Transit cargo services; Cargo labelling, scanning, packaging.
 - » Land cargo transportation; Multimodal transportation; Cross - border transport.
 - » Waterway transportation - Barging services.
 - » Financial and stock trade.
 - » Office leasing; real estate project investment and development.
 - » Investments in local and foreign companies in the same scope of business.
 - » Courier express - Travel services - Trading.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

- » Là Doanh nghiệp chuyên cung cấp về chuỗi dịch vụ Logistics đúng nghĩa, Công ty tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển từng phần quan trọng của dịch vụ Logistics như Vận tải, Kho bãi, dịch vụ Cảng ICD, khai thuê Hải quan, vận chuyển, lắp đặt hàng siêu trường, siêu trọng,...
- » Trở thành một trong những Công ty hàng đầu của Việt Nam trên lĩnh vực dịch vụ Logistics.
- » Đảm bảo tính cạnh tranh, tính bền vững trước những tác động ngoại lực từ thị trường.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- » Xúc tiến đầu tư vào giai đoạn II – Khu Bảo thuế - Khu Logistics tại Khu Công Nghệ cao Tp.HCM, trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistics chủ yếu tại Khu Công Nghệ cao Tp.HCM.
- » Xây dựng thương hiệu Transimex-Saigon ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh với các Doanh nghiệp trong, ngoài nước. Phấn đấu tăng tốc phát triển về quy mô hoạt động cũng như vốn điều lệ, bảo đảm năng lực cạnh tranh theo lộ trình hội nhập kinh tế Quốc tế của Việt Nam.
- » Nâng cao quy mô, phạm vi hoạt động của Công ty cùng tốc độ phát triển của trong và ngoài nước hiện nay để xứng tầm là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam.
- » Đầu tư mở rộng hệ thống Cảng đường thủy nội địa, Logistics và mạng lưới dịch vụ kho bãi, vận chuyển giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tại các KCN, KCX và các vùng kinh tế trọng điểm.

MỤC TIÊU

- » Với phương thức kinh doanh hàng đầu của Công ty: Nhanh chóng - An toàn – Chính xác – Hiệu quả nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước. Công ty đã liên kết với các đối tác cùng ngành nghề khai thác tối đa các nguồn lực, tạo ra nhiều dịch vụ khác biệt và vượt trội làm lợi thế trong cạnh tranh.
- » Mức độ tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh của Công ty luôn ổn định, tăng từ 15% - 20% mỗi năm, tăng thị phần, tăng khách hàng, nâng cao thu nhập người lao động.
- » Hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác phát triển ngành nghề thương mại, dịch vụ tại các trung tâm kinh tế trong và ngoài nước.
- » Gia tăng hoạt động đầu tư tài chính, bất động sản. Đảm bảo nguồn vốn và hiệu quả cho các dự án đầu tư cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty thành viên.
- » Phát triển về ưu thế công nghệ, quản lý, xây dựng hệ thống vệ tinh, mạng lưới các chi nhánh, cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho các dự án, công trình có nhu cầu về kỹ thuật và qui mô lớn.
- » Khai thác triệt để thế mạnh vượt trội về cung cấp dịch vụ Logistics trên thị trường. Đầu tư đúng hướng, bền bỉ trên hành trình phát triển ngành nghề, với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, hiện thực hóa cam kết với cổ đông và các nhà đầu tư, tạo niềm tin cho đối tác và khách hàng.

GIẢI THƯỞNG - THÀNH TỰU

2011 . Annual report
TỔNG QUAN

12 . 13



THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Tháng 12
2010

Chứng nhận quy trình hệ thống chất lượng
ISO 9001 -2008, phiên bản: QP-TMS-2010.
(Đơn vị cấp: Tập đoàn SGS - Tháng 12)

Kỷ niệm chương, vì thành tích đóng góp liên tục
10 năm đối với ngành chứng khoán Việt Nam.
(Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.)

Báo cáo thường niên đoạt giải tốt nhất
(Đơn vị cấp: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.)

Bằng khen có nhiều thành tích trong công tác sản
xuất
(Đơn vị cấp: Do UBND TP.HCM)

2000

Hiệp hội IATA

1989

Hội viên của các Hiệp hội FIATA, VIFFAS, VCCI

CỘT MỐC LỊCH SỬ

2011

Ký kết "Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh – Hợp
tác chiến lược" với Công ty Vinafreight và "Hợp đồng
cung cấp dịch vụ Logistics cho dự án Nhiệt điện Vĩnh
Tân 2" với Tập đoàn Điện khí Thượng Hải.

2010

Hoàn thành đưa vào khai thác dự án qui hoạch và
nâng cấp cảng ICD Transimex (Kho lạnh, Kho mát, Kho
CFS, Kho Ngoại Quan, bãi Container); Đón nhận Chứng
nhận cam kết chất lượng – hệ thống quản lý chất
lượng (HTQLCL) đạt chuẩn ISO 9001:2008 vào năm
2010, do SGS cấp; Ký kết Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh
doanh cảng Hải An – Hải Phòng với Công ty TNHH Vận
Tải & Xếp dỡ Hải An.

2007

Xây dựng cao ốc TMS||BULDING, tại 172 Hai Bà Trưng,
Phường Đakao, Quận 1

2005

Xây mới cầu cảng 180m - cho tàu, xà lan 1.000 DW, xây
kho CFS 2.000 m2.

2003

Nhận chứng chỉ ISO 9001 - 2000

2002

Khánh thành cảng thông quan nội địa ICD Transimex

2000

Cổ phiếu TMS được niêm yết trên sàn HOSE

1998

Thành lập cảng trung chuyển ICD Transimex

1996

Mở rộng chức năng hoạt động: Kho CFS,
Kho Ngoại quan

1993

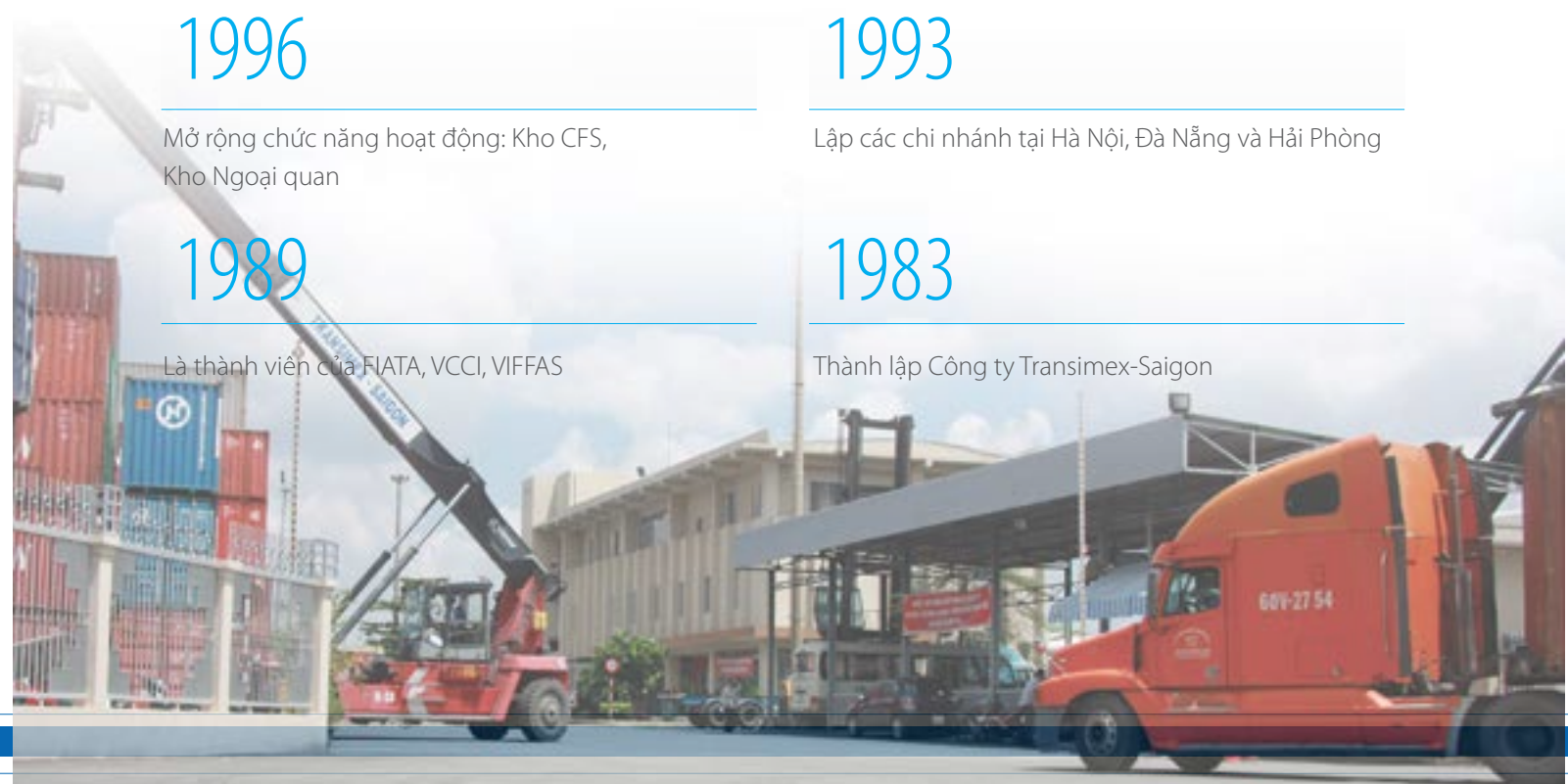
Lập các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hải Phòng

1989

Là thành viên của FIATA, VCCI, VIFFAS

1983

Thành lập Công ty Transimex-Saigon



NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2011



06/04/2012

Ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ Logistics cho Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, giữa Công ty Transimex-Saigon và Tập đoàn Điện khí Thượng Hải.



30/03/2012

Transimex-Saigon Ký kết "Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh – Hợp tác chiến lược" với Công ty Vận Tải Ngoại Thương - Vinafreight (VNF).



05/08/2011

Hội nghị giới thiệu dịch vụ Logistics của Công ty Transimex-Saigon với các Công ty Thành viên của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra).



13/06/2011

Lễ công bố hoàn thành Dự án "Qui hoạch và nâng cấp Cảng ICD Transimex".



02/2012

Đầu tư vào Công ty Vận Tải Ngoại thương – Vinafreight (VNF), với tỉ lệ nắm giữ là 24,83% vốn điều lệ.





Nơi hoàng hôn
bừng sáng

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo của Ban kiểm soát
Thông tin cổ đông

Lợi nhuận trước thuế
năm 2011 đạt

59,6 Tỷ đồng

Gia tăng tỉ lệ đầu tư vào dự án Cảng Hải An, Công ty Transimex-Saigon đã sở hữu 25% VDL Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An (Cảng Hải An).

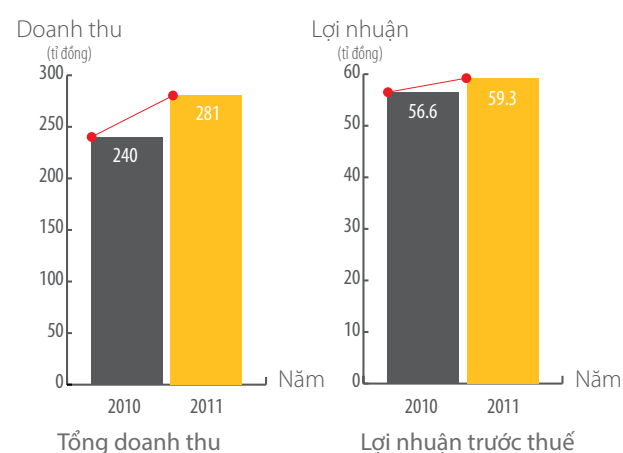
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010-2011, Hội đồng quản trị xin báo cáo với quý vị cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành Công ty năm 2011 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2012 như sau:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2011:

Kết quả kinh doanh năm tài chính: 01/4/2011-31/3/2012:

- » Tổng doanh thu đạt: 281,2 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện 2010
- » Lợi nhuận trước thuế đạt: 59,6 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện 2010
- » Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu: 21,2%
- » Cổ tức: 6% bằng tiền mặt
- » Cổ phiếu thưởng: 5%



Trong năm 2011, Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện các chương trình hợp tác, đầu tư và phát triển như sau:

- » Gia tăng tỉ lệ đầu tư vào dự án Cảng Hải An, Công ty Transimex-Saigon đã sở hữu 25% VDL Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An (Cảng Hải An). Tuy nhiên, sau khi thực hiện việc sáp nhập Công ty đóng tàu Hải An vào Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty CP Vận Tải & Xếp Dỡ Hải An thông qua, tỷ lệ sở hữu của Transimex-Saigon sẽ còn 20,2% VDL (vì sau khi sáp nhập VDL của Công ty tăng lên). Cảng Container Hải An mới bắt đầu hoạt động và đón chuyển

tàu đầu tiên từ tháng 3/2011, nhưng tính đến hết năm 2011, đã đạt lãi ròng là 16,8 tỷ đồng. Kế hoạch ngân sách năm 2012 do Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An xây dựng phần đầu đạt lãi ròng là 37 tỷ đồng.

- » Quyết định đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương - Vinafreight (VNF) và đạt tỉ lệ sở hữu 24,83% vốn điều lệ, mở ra một cơ hội liên kết, hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực dịch vụ Logistics hàng không giữa Transimex-Saigon và Vinafreight.
- » Về tập trung phát triển dịch vụ chủ yếu cốt lõi của Công ty, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chủ tịch HĐQT và sự điều hành nhạy bén của Ban Tổng giám đốc, Công ty đã ký kết hợp đồng thực hiện dịch vụ logistics cho các dự án lớn như Nhà Máy Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2 với Tập đoàn Điện khí Thượng Hải, Dự án Nghi Sơn 1, Nhà Máy thứ 2 của Công ty Nestle Vietnam, Pepsico., Tân Hiệp Phát, ... các khách hàng sử dụng dịch vụ kho lạnh như Công ty Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN), Công ty CP Chăn nuôi CP Vietnam,...

Tuy nhiên, có một số dự án đã không triển khai thực hiện được như dự án kho ngoại quan & kho bãi kiểm tra hàng hoá XNK tại lô đất D11, Khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang; dự án xây dựng kho tại Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh vì sau khi phân tích trên cơ sở lập dự án tiến khả thi, kết quả cho thấy thời gian thu hồi vốn của dự án quá dài, không khả thi do một số nguyên nhân khách quan như giá thuê đất cao, tỉ lệ xây dựng/tổng diện tích dự án thấp, tình hình thị trường không thuận lợi, ...

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011:

Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"):

- » Ngày 31/8/2011, HĐQT đã chấp thuận việc Ông Nguyễn Hồng Quang – Phó Chủ tịch HĐQT từ nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 01/9/2011.
- » Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Lê Duy Hiệp – Thành viên HĐQT giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/9/2011.

Danh sách HĐQT tại thời điểm 31/3/2012:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| » Ông Bùi Tuấn Ngọc | Chủ tịch HĐQT |
| » Ông Lê Duy Hiệp | Phó Chủ tịch HĐQT |
| » Ông Huỳnh Minh Thảo | Thành viên HĐQT |
| » Ông Nguyễn Việt Cường | Thành viên HĐQT |
| » Ông Vũ Chính | Thành viên HĐQT |

Để thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty.

Các Nghị quyết Hội đồng Quản trị từ sau Đại hội cổ đông thường niên 2011 đến nay:

Kể từ sau Đại hội cổ đông thường niên 2011-2012 đến nay, Hội đồng quản trị đã có 11 phiên họp thông qua các vấn đề chính sau:

- | | |
|--|--|
| » Phê duyệt lựa chọn Công ty Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C để kiểm toán cho niên độ tài chính 01/4/2011-31/3/2012 của Công ty. | » Thông qua việc vay vốn của ngân hàng Eximbank. |
| » Thông qua Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Hồng Quang. | » Thông qua Báo cáo thực hiện Quỹ lương năm 2011 và kế hoạch Quỹ lương năm 2012. |
| » Thống nhất bầu Ông Lê Duy Hiệp – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 01/9/2011. | » Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ năm tài chính 01/4/2011->31/3/2012. |
| » Bổ nhiệm Ông Tôn Thất Hưng làm Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/10/2011. | » Thông qua thời gian chốt Danh sách tham dự ĐHCĐ. |
| » Thông qua vấn đề chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn của Công ty đang nắm giữ. | » Thông qua các Báo cáo và tờ trình Đại hội cổ đông thường niên 2011-2012. |
| » Thông qua chủ trương đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương (Vinafreight). | » Bổ nhiệm Ông Phạm Trường Sơn vào HĐQT thay thế thành viên đã từ nhiệm. |
| | » Bổ nhiệm Ông Đỗ Xuân Quang vào HĐQT thay thế thành viên đã từ nhiệm. |
| | » Thông qua một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (“ĐHĐCĐ”) THƯỜNG NIÊN 2010-2011:

- Năm 2011, HĐQT đã tích cực triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2010-2011, tuy nhiên còn tồn tại một số vấn đề sau:
- » Về vấn đề chi trả cổ tức năm 2011: Công ty không thể thực hiện chi trả cổ tức theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ (10% bằng tiền mặt), do năm 2010, công ty chi trả cổ tức khá cao (35%) cộng với thay đổi của chính sách quy định về nguồn chi trả cổ tức dẫn đến nguồn chi trả năm 2011 chỉ đủ để thanh toán 6% cổ tức tiền mặt và 5% cổ phiếu thưởng. Cổ tức và cổ phiếu thưởng năm tài chính 2011 dự kiến sẽ chi trả trong tháng 6 năm 2012. Năm tài chính 2012, công ty sẽ tăng cổ tức cao hơn, cụ thể, mặc dù chỉ có 9 tháng nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì mức cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu thưởng trong khoảng từ 12%-15%.
 - » Về phương án phát hành cổ phiếu huy động vốn Đầu tư xây kho và thiết bị trong khu Công nghệ cao: sau khi phân tích dựa vào việc lập dự án tiền khả thi, Ban điều hành Công ty nhận thấy thời gian hoàn vốn của dự án quá dài, không khả thi, vì vậy, đề xuất HĐQT ngưng thực hiện dự án, đồng thời, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011-2012 thông qua việc hủy phương án phát hành cổ phiếu này.

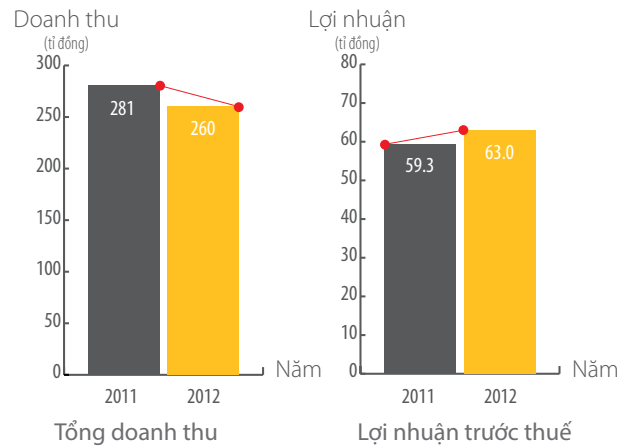
KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành. Các thành viên đã nỗ lực làm việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào những kết quả đạt được của Công ty trong năm 2011.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành triển khai hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2012:

- » Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011-2012, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- » Phần đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính từ 01/4/2012-31/12/2012:
 - Tổng doanh thu: 260 tỷ đồng, bằng 92,46% so với thực hiện 2011;
 - Lợi nhuận trước thuế: 63 tỷ đồng, tăng 5,7% so với thực hiện 2011;
 - Cổ tức, cổ phiếu thưởng: dự kiến từ 12% - 15%



- » Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư trong kế hoạch phát triển 5 năm của công ty.
- » Tiếp tục gia tăng tỉ lệ đầu tư vào các công ty cùng ngành nghề, các Công ty có tiềm năng, đặc biệt là các Công ty hoạt động trong lĩnh vực Cảng biển, ICD, dịch vụ hàng không... Đẩy mạnh hợp tác chiến lược với các Công ty này để hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics tổng thể của Transimex-Saigon.



- » Tiếp tục gia tăng tỉ lệ đầu tư vào Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An: Để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu ban đầu là 25%, Công ty cần tiếp tục đầu tư thêm 1.111.558 Cổ phần từ nguồn Cổ phiếu quỹ của Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An. Dự kiến nguồn vốn đầu tư thêm khoảng 21 tỷ đồng (Căn cứ định giá của SSI trước khi tiến hành sáp nhập Công ty đóng tàu Hải An vào Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An).
- » Đẩy mạnh hợp tác chiến lược với Công ty Vinafreight, cụ thể hợp tác chặt chẽ với Vinafreight trong các lĩnh vực sau:
 - Tối đa hóa việc Vinafreight sử dụng các dịch vụ hiện có của Transimex như Kho cảng ICD, dịch vụ vận tải, dịch vụ giao nhận hàng siêu trường siêu trọng - hàng dự án.
 - Hợp tác chặt chẽ với Vinafreight về khai thác dịch vụ gom hàng hàng không (air cargo) tại Kho cảng hàng hóa hàng không Saigon (SCSC), khai thác dịch vụ vận chuyển hàng hàng không quá cảnh của một số hãng hàng không từ Sài Gòn đi Campuchia & ngược lại.
 - Thông qua Vinafreight và các Công ty thành viên của Vinafreight, khai thác dịch vụ Tổng đại lý hàng không cho một số hãng hàng không.
- » Thành lập Phòng logistics hàng không (Airfreight Logistics Department) thực hiện các dịch vụ liên quan đến hàng hóa đường hàng không nhằm hiện thực hóa chương trình hợp tác liên kết với Vinafreight.

Hội đồng quản trị tin chắc rằng, với sự ủng hộ nhiệt tình của Quý khách hàng trong và ngoài nước, sự hỗ trợ của đối tác chiến lược, sự chỉ đạo nhạy bén kịp thời của HĐQT, Ban điều hành, sự năng động, nhiệt tình trong công việc, sự đoàn kết nhất trí chung sức chung lòng của tập thể CB CNV trong công ty, nhất định Transimex-Saigon sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, đạt được sự phát triển nhanh và bền vững trong năm 2012 và những năm tiếp theo, đạt mục tiêu trở thành 1 doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ logistics tổng thể.

CTY CP KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP.HCM
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

(Signature)

Bùi Tuấn Ngọc

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2011 (năm tài chính: 1/4/2011-31/3/2012)

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2011, tình hình kinh tế thế giới vẫn diễn biến phức tạp trong khi kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn và thách thức, lạm phát và lãi suất vay ngân hàng tăng cao ở mức bình quân từ 17%-18% (trong khi các nước khu vực chỉ từ 2%-4%), nhu cầu tiêu dùng cả trong nước và quốc tế giảm, đặc biệt là thị trường Châu Âu giảm sút đáng kể do ảnh hưởng của khủng hoảng nợ công tại một số nước thuộc EU, dẫn đến rất nhiều đơn hàng XNK bị cắt giảm. Tình hình của thị trường hàng hải, Logistics nói chung cũng bị ảnh hưởng từ những yếu tố trên, nhiều Hãng tàu chạy tuyến Châu Âu trực tiếp từ Cái Mép cũng cắt tuyến. Tuy nhiên, kim ngạch

XNK của cả nước có tăng (XK tăng và nhập siêu) ít nhiều có ảnh hưởng tích cực đến lĩnh vực dịch vụ Logistics nói chung và của Công ty nói riêng

Trước tình hình trên, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã rất nỗ lực kịp thời để ra những chủ trương, chính sách hợp lý, phát huy sức mạnh tổng hợp của Công ty, hoàn thành nhiệm vụ SXKD dịch vụ năm 2011.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2011

Trước tình hình khó khăn trên, để đạt được kết quả SXKD dịch vụ năm 2011, Công ty đã tổ chức tốt việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ Logistics, hợp lý hóa quá trình tác nghiệp để tăng năng suất và đảm bảo chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu và xúc tiến tìm kiếm khách hàng mới nhiều tiềm năng kết hợp với phát huy tối đa thế mạnh của Trung tâm Kho Cảng sau khi đã được đầu tư nâng cấp.

Nhìn chung, kết quả đạt được là chấp nhận được trong tình hình, bối cảnh chung của các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Tuy nhiên, nhìn vào từng lĩnh vực, địa bàn hoạt động còn có nhiều điểm cần phải nghiêm túc chấn chỉnh trong năm tài chính sắp tới.

Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Về sản lượng (năm tài chính từ 01/4/2011 đến 31/3/2012):

» Sản lượng giao nhận hàng hóa XNK:

HÀNG BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG			HÀNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN					
(Tấn)			Hàng nguyên Cont (Teu)			Hàng lẻ (Cbm)		
TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)	TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)	TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)
1.097	1.925	56,99	21.885	18.878	115,93	19.996	37.021	54,01

» Sản lượng hàng qua Cảng ICD Transimex và Công ty Vận tải:

CẢNG ICD						KHO CFS		
Cont hàng (Teu)			Cont rỗng (Teu)			(Cbm)		
TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)	TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)	TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)
183.690	160.000	114,81	111.024	110.000	100,93	207.784	231.353	89,81



Công ty Transimex-Saigon thực hiện Giao nhận và vận chuyển hàng thiết bị Boiler Drum (trọng lượng: 363 tấn) cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Bình Thuận

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2011 (TT)

KHO NGOẠI QUAN						KHO LẠNH			VẬN TẢI		
Nhập khẩu (M3)			Xuất khẩu (Tấn)			(Tấn)			(Teu)		
TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)	TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)	TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)	TH 2011	KH 2011	Tỉ lệ (%)
25.333	23.500	107,80	7.664	12.000	63,87	9.691	51.000	19,00	22.712	20.000	113,56

b) Về chỉ tiêu tài chính (năm tài chính từ 01/4/2011 đến 31/3/2012):

- » Tổng doanh thu đạt: 281,2 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện 2010
- » Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu: 21,2%
- » Lợi nhuận trước thuế đạt: 59,6 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện 2010
- » Cổ tức: 6% bằng tiền mặt
- » Cổ phiếu thưởng: 5%.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2011

(năm tài chính: 1/4/2011-31/3/2012)

NHỮNG CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

a) Về SXKD dịch vụ:

- » Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tại Trung tâm kho cảng ICD Transimex, phát huy tối đa năng lực khai thác của các cơ sở vật chất, trang thiết bị sau giai đoạn đầu tư nâng cấp, cũng như lợi thế của ICD Transimex trong khu vực, trong đó tập trung cho việc tăng cường khai thác dịch vụ kho lạnh, kho CFS, tối đa hóa sức chứa, luân chuyển container của Bãi Container, tăng cường các dịch vụ khác có thể mạnh như đóng gao xuất khẩu, cà phê xuất khẩu
- » Đẩy mạnh dịch vụ vận chuyển Container bằng xà lan (sau khi tiếp nhận lại từ Công ty CP Hàng Hải Sài Gòn 2 xà lan cộng với thuê thêm một số xà lan khác) nối các Cảng VICT, SPCT, Cái Mép, Cát Lái, Tân Cảng,... với Trung tâm Kho cảng ICD Transimex. Sản lượng Container thông qua kho bãi cảng ICD Transimex ngày càng tăng và có hiệu quả rõ rệt.
- » Các Phòng nghiệp vụ Logistics, Hợp tác Đại lý, các Chi nhánh trực thuộc chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thêm thị trường mới, chăm sóc tốt khách hàng truyền thống, đặc biệt đã ký kết hợp đồng và đã triển khai thực hiện dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa bao gồm hàng hóa thông thường và siêu trường siêu trọng cho các dự án lớn như Nhà Máy Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2, Nghi Sơn 1, Nhà Máy thứ 2 của Công ty Nestle, Pepsico
- » Hoạt động vận chuyển Container của Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS TRANS)

đã có nhiều chuyển biến tích cực sau thời gian đích thân Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc trực tiếp giám sát chỉ đạo công tác điều hành, thực hiện tái cơ cấu về sở hữu xe, rơ móc, kiểm soát chặt chẽ chi phí, định mức nhiên liệu, cơ cấu lại các tuyến dịch vụ có lợi nhuận cao... hiện nay hoạt động của Công ty TMS-TRANS đã bắt đầu ổn định và có lợi nhuận.

- » Hoạt động cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV BĐS Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP.HCM (TMS Property) vẫn đem lại hiệu quả cao. Mặc dù giá cho thuê văn phòng trên thị trường có giảm khoảng 30%, nhưng với vị trí, tiện nghi thuận lợi, cung cách phục vụ chuyên nghiệp nên tòa nhà gần 8.000 m2 vẫn được khách hàng lựa chọn làm văn phòng, đem lại lợi nhuận khá cao cho Công ty.
- » Hoạt động tại các Chi nhánh: Chi nhánh Đà Nẵng đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, mở thêm dịch vụ mới (vận chuyển hàng quá cảnh đi Lào) đạt kết quả tốt, vượt kế hoạch ngân sách. Chi nhánh Hải Phòng cũng vượt kế hoạch ngân sách, riêng Chi nhánh Hà Nội đã không đạt ngân sách đề ra, trong đó có lý do khách quan (một dự án dịch vụ chậm triển khai, một khách hàng chủ lực giảm mạnh kinh doanh do thay đổi chính sách của nhà nước) và chủ quan (yếu về công tác tiếp thị tìm kiếm khách hàng thay thế mới, dựa nhiều vào một khách hàng chủ lực ..).

Phát huy tối đa năng lực khai thác của các cơ sở vật chất, trang thiết bị sau giai đoạn đầu tư nâng cấp, cũng như lợi thế của ICD Transimex trong khu vực



NHỮNG CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

b) Về tài chính - đầu tư tài chính & công tác quan hệ cổ đông:

- » Cơ bản đã hoàn thành kế hoạch đầu tư tài chính cả năm đã đề ra (trong đó lợi nhuận thu được từ Công ty Liên doanh Nippon Express và các danh mục đầu tư tài chính khác đều đạt chỉ tiêu). Đối với việc đầu tư chứng khoán, hiện Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP Hàng Hải Sài Gòn (SHC) để tái cấu trúc vốn. Công ty cũng đã hoàn tất việc mua 24,83% vốn điều lệ của Công ty CP Vận tải Ngoại thương (Vinafreight) để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty này. Gia tăng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận Tải & Xếp dỡ Hải An lên 20,2% vốn điều lệ (tỉ lệ tính trên VDL sau khi hoàn thành việc sáp nhập Công ty đóng tàu Hải An vào Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An). Hiện nay, hai Công ty Cổ phần Vận Tải & Xếp dỡ Hải An và Công ty Vinafreight hoạt động trong năm 2011 phát triển khá mạnh, mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đều trên 30% mỗi năm.
- » Công tác quản lý vốn đầu tư của Công ty được chấn chỉnh, bổ sung và đạt kết quả tích cực. Công ty thực hiện nhiều biện pháp nhằm theo dõi sát hoạt động của các Doanh nghiệp mình góp vốn, kịp thời đề xuất các giải pháp phù hợp để bảo toàn và phát triển vốn.
- » Về việc thực hiện chi trả cổ tức: Do năm 2010, Công ty chi trả cổ tức 35% cộng với thay đổi về chính sách Ủy

Ban Chứng Khoán nhà nước dẫn đến nguồn chi trả năm 2011 chỉ đủ để thanh toán 6% cổ tức tiền mặt và 5% cổ phiếu thưởng. Cổ tức và cổ phiếu thưởng năm tài chính 2011 dự kiến sẽ chi trả trong tháng 6 năm 2012. Năm tài chính 2012, Công ty sẽ tăng cổ tức cao hơn. Cụ thể, mặc dù chỉ có 9 tháng nhưng Công ty vẫn cố gắng để duy trì mức cổ tức từ 12-15%.

- » Về công tác phát hành trái phiếu và giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyển đổi trái phiếu: Công ty đã chuyển đổi thành công 32,5 tỷ trái phiếu chuyển đổi (giá chuyển đổi 18.600 đồng/CP) và hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ tương ứng trong năm 2011. Đối với 67,5 tỷ trái phiếu chuyển đổi đến hạn vào 15/6/2012, trong trường hợp trái chủ không tiến hành chuyển đổi, Công ty sẽ tiến hành cơ cấu lại nguồn vốn từ ngắn hạn sang trung hạn bằng một số biện pháp như vay vốn trung/ dài hạn kết hợp dùng vốn tự có để thanh toán gốc đến hạn hoặc đàm phán giãn nợ trái phiếu sang trung hạn.
- » Về vốn điều lệ của Công ty: Năm 2011, vốn điều lệ Công ty tăng 17 tỷ đồng (tương ứng phần trái phiếu chuyển đổi) lên mức 182,7 tỷ đồng. Sau khi thực hiện kế hoạch trả cổ phiếu thưởng 5% cho năm tài chính 2011 và chuyển đổi 67,5 tỷ đồng trái phiếu (trong trường hợp thành công) thì vốn điều lệ cuối năm có thể tăng lên mức tối đa là 228 tỷ đồng.

c) Về Tổ chức bộ máy nhân sự và công tác khác:

- » Công ty đã thực hiện công tác tái cấu trúc bộ máy nhân sự tại Công ty Mẹ và các Công ty Thành viên, cụ thể là thực hiện công tác trực tiếp giám sát chỉ đạo điều hành tại Công ty TMS-TRANS nhằm cải thiện tình hình kinh doanh tại đây. Xây dựng phương án bố trí nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị tại các Công ty cổ phần có đầu tư góp vốn.
- » Thành lập và xây dựng qui chế hoạt động của Ban kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty, duy trì thực hiện công tác quản lý và điều hành hoạt động Công ty theo tiêu chuẩn ISO9001-2008, Phiên bản: QP-TMS-2010 và chương trình quản lý ERP.
- » Quản lý tốt và nâng cấp Website Công ty. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động: "Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí". Đưa chủ trương tiết kiệm chi phí là việc làm thường xuyên, lâu dài của doanh nghiệp và xây dựng thành một trong những nội dung thực hiện văn hóa Doanh nghiệp của Công ty.
- » Đóng góp ủng hộ, làm công tác xã hội từ thiện, do Thành phố và Tổng Công ty SATRA phát động; tổ chức những giải thể thao trong nội bộ Công ty nhằm tăng cường giao lưu đoàn kết giữa các bộ phận, cán bộ nhân viên, tổ chức giải thể thao mời những khách hàng thân thiết nhằm tăng cường quan hệ hợp tác.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH SXKD DỊCH VỤ NĂM 2012

(niên độ: 01/4/2012-31/12/2012)

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Thực sự là rất khó dự báo cho ngành vận tải & logistics trong năm 2012 (mặc dù tình hình kinh tế chung ai cũng biết là rất bất ổn, các tổ chức tài chính có uy tín lớn trên thế giới như WB , ADB ... đều dự báo tốc độ tăng trưởng chung của VN sẽ chỉ khoảng 5%), tuy nhiên, ít nhiều sẽ bị tác động. Trong bối cảnh đó, Công ty Transimex-Saigon

quyết tâm tiếp tục đẩy mạnh phát triển dịch vụ chủ yếu cốt lõi của mình (Vận tải, Logistics, dịch vụ Cảng, kho bãi), tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược bao gồm đối tác liên doanh truyền thống (Nippon Express) và các Công ty mà Transimex-Saigon đã cam kết đầu tư lâu dài như Công ty CP vận tải & Xếp dỡ Hải An, Công ty CP Vận tải Ngoại thương (Vinafreight).

NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2012 & CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2012:

a) Về sản lượng (năm tài chính từ 01/4/2012 đến 31/12/2012):

» Sản lượng giao nhận hàng hóa XNK:

HÀNG BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG			HÀNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN					
(Tấn)			Hàng nguyên Cont (Teu)			Hàng lẻ (Cbm)		
KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)	KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)	KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)
991	1.097	90,34	20.302	21.885	92,77	48.508	19.996	242,59

» Sản lượng hàng qua Cảng ICD Transimex:

CẢNG ICD						KHO CFS		
Cont hàng (Teu)			Cont rỗng (Teu)			(Cbm)		
KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)	KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)	KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)
137.000	183.690	74.58	85.000	111.024	76.56	161.000	207.784	77,48

KHO NGOẠI QUAN						KHO LẠNH		
Nhập khẩu (M3)			Xuất khẩu (Tấn)			(Tấn)		
KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)	KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)	KH 2012	TH 2011	Tỉ lệ (%)
25.900	25.333	102,24	3.000	7.664	39,14	14.850	9.691	153,23

Sản lượng vận chuyển hàng hóa nội địa bằng đường thủy và đường bộ:

VẬN TẢI (TEU)			SÀLAN (TEU)		
KH 2012		TH 2011	KH 2012		Tỉ lệ (%)
22.000		22.712	37.350		96,87

b) Về tài chính (năm tài chính từ 01/4/2012 đến 31/12/2012):

» Tổng doanh thu: 260 tỷ đồng, bằng 92,46% so với thực hiện 2011.

» Lợi nhuận trước thuế: 63 tỷ đồng, tăng 5,7% so với thực hiện 2011.

» Cổ tức, cổ phiếu thưởng: dự kiến từ 12% - 15%.

NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2012 & CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (TT)

Các giải pháp & nhiệm vụ trọng tâm:

- » Công ty Transimex-Saigon xác định nhiệm vụ trọng tâm của năm 2012 là tập trung tăng sản lượng dịch vụ Logistics, cải thiện & nâng cao công tác tiếp thị bán dịch vụ, marketing nhằm tìm thêm nhiều khách hàng lớn, tiềm năng, cải thiện chất lượng dịch vụ, tiếp tục đẩy mạnh khai thác có hiệu quả những công trình đã đầu tư tại Trung tâm kho cảng ICD Transimex bao gồm bãi cảng, kho CFS, Kho lạnh, Kho ngoại quan (trong đó đặc biệt chú trọng tập trung tìm kiếm khách hàng sử dụng Kho lạnh nhằm tối đa hóa công suất của Kho, nghiên cứu cải tiến phương pháp khai thác kho CFS, Kho ngoại quan nhằm nâng cao hơn nữa công suất và hiệu quả). Tiếp tục chỉ đạo giám sát công tác điều hành kinh doanh khai thác dịch vụ tại Công ty vận tải TMS-TRANS quyết tâm giúp TMS-TRANS lần đầu tiên sau khi thành lập hoàn thành kế hoạch ngân sách.
- » Đẩy mạnh lĩnh vực vận chuyển Container bằng đường thủy nội địa, giữa các khu vực Miền tây, Cái Mép, Phú Mỹ, VICT,... với Trung Tâm Kho Cảng ICD Transimex. Tăng cường thêm 03 xàlan (96Teu – 2400 Tấn/ xàlan), nâng tải trọng vận chuyển từ 7.200 Tấn lên 15.000 Tấn.
- » Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự gọn nhẹ, có hiệu quả, đặc biệt chú ý đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực. củng cố và phát triển hệ thống đại lý trong khu vực và trên thế giới thông qua các đối tác truyền thống và tin cậy lâu nay của Công ty nhằm mở rộng, đa dạng hóa dịch vụ giao nhận vận chuyển Quốc tế.

- » Đẩy mạnh và nâng tầm việc liên doanh, liên kết, hợp tác với các đối tác truyền thống, chiến lược. Bao gồm: tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cp Vận Tải & Xếp Dỡ Hải An (Cảng Container Hải An – TP Hải phòng) lên ít nhất mức 25% (tỉ lệ tính trên VDL sau khi sáp nhập Công ty đóng tàu Hải An vào Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An), đề xuất tăng vốn điều lệ tại Công ty Nippon Express (VN), chuyển nguồn vốn đầu tư ngắn hạn thành dài hạn tại Công ty CP Vận tải Ngoại thương (Vinafreight) nhằm tranh thủ và phát huy lợi ích của việc hợp tác, liên kết dịch vụ với Công ty Vinafreight, theo đó sẽ thành lập Phòng Airfreight Logistics nhằm hiện thực hóa việc liên kết hợp tác với Công ty Vinafreight trên lĩnh vực khai thác hàng hóa vận chuyển bằng đường không bao gồm khai thác gom hàng lẻ hàng không, vận chuyển hàng quá cảnh hàng không.
- » Tăng cường kiểm tra, tiến hành phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty theo định kỳ, nhằm phát hiện những tồn tại và có giải pháp xử lý kịp thời.
- » Tiếp tục triển khai công tác đào tạo, tự đào tạo về nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, tăng cường tìm kiếm nhân sự có trình độ, có năng lực bổ sung cho đội ngũ lãnh đạo các phòng ban, đặc biệt là hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Phòng Sales & Marketing, Phòng Logistics, Phòng mới thành lập (Airfreight Logistics), Trung tâm Dịch vụ Vận chuyển Xà Lan.
- » Tiếp tục tiếp cận, nghiên cứu giai đoạn 2 của Khu Công Nghệ Cao TPHCM trên cơ sở rút kinh nghiệm những vấn đề mắc phải khi tiếp cận đầu tư giai đoạn 1, báo cáo HĐQT nếu có phương án hiệu quả, có đối tác liên doanh tiềm năng .

Với sự chỉ đạo nhạy bén kịp thời của HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CB-CNV Công ty cam kết sẽ tận dụng những cơ hội có được trong tình hình khó khăn để vươn lên phát triển, chủ động tìm kiếm tất cả những cơ hội kinh doanh mới, tranh thủ tối đa sự liên kết hợp tác với các đối tác chiến lược, phát huy những lợi thế cạnh tranh.

Toàn Công ty Transimex-Saigon bước vào năm 2012 với tinh thần lạc quan, tin tưởng rằng sẽ hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD dịch vụ mà Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2012 đề ra.

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ DUY HIỆP

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- » Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) và Ban điều hành (“BĐH”) nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty, nắm bắt tình hình thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT và BĐH về các định hướng phát triển của Công ty trong từng thời gian
- » Thành viên Ban Kiểm soát cũng có tham gia vào các đơn vị, Ban quản lý hoạt động thường ngày của đơn vị để có những thông tin chính xác và thường xuyên về các hoạt động kinh doanh của Công ty
- » Các thành viên Ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi với nhau, đánh giá tình hình hoạt động của công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.
- » Ban kiểm soát nhận thấy HĐQT và BĐH đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình. HĐQT đã đảm bảo duy trì các cuộc họp thường kỳ, theo sát tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và có những chính sách kịp thời tạo điều kiện cho BĐH thực hiện các phương án kinh doanh phù hợp với những biến động của thị trường.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trong năm 2011 đối mặt với những tình huống khó khăn và thách thức, Công ty đã rất cố gắng vượt qua để thực hiện những mục tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010-2011 đề ra, mặc dù kết quả chưa thỏa mãn như kế hoạch nhưng cũng đạt được thành tích đáng kể:

Kết quả hoạt động năm 2011 (đã hợp nhất):

- » Tổng doanh thu đạt: 281,2 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện 2010
- » Lợi nhuận trước thuế đạt: 59,6 tỷ đồng, tăng 5 % so với thực hiện 2010

Tình hình đầu tư phát triển:

- » Công ty đã gia tăng tỉ lệ đầu tư vào dự án Cảng Hải an
- » Công ty đã đầu tư vào Cty Cổ phần Vận tải Ngoại thương – Vinafreight, Công ty cùng ngành nghề.
- » Công ty cũng đã quan tâm đẩy mạnh phát triển các dịch vụ cốt lõi về Logistics của Đơn vị như Kho tàng, bến bãi và vận tải thủy bộ .

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- » Trong năm 2011 Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty.
- » Công ty đã tuân thủ tốt các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ tốt, tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành.
- » Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với ý kiến của kiểm toán là Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- » Trong năm 2011 là năm hoạt động nhiều khó khăn và đầy biến động. Ban kiểm soát nhận thấy Công ty vẫn đang gặp nhiều khó khăn thách thức hơn thuận lợi. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển tốt và có chiều hướng mở rộng. Ban kiểm soát đánh giá đây là sự năng động của HĐQT và Ban điều hành công ty.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN CÔNG HIẾU

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
1	Tổng Công ty thương mại Sài gòn – TNHH MTV	275B Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1	1.309.655	7,17%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN)

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ
1	VOF Investment Limited	2.859.492	15,65%
2	Bùi Tuấn Ngọc	1.680.328	9,19%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	1.900.940	10,40%
4	Tổng Công ty Thương Mại Sài gòn	1.309.655	7,17%
5	PXP Việt Nam Fund Limited	1.118.337	6,12%
6	Quỹ Tầm nhìn SSI	1.409.077	7,71%
7	Công ty CP Đầu tư Vina	1.427.673	7,81%
8	Vietnam Investment Limited	972.073	5,32%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA TMS GỒM

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN		TỶ LỆ SỞ HỮU	
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
I	Cổ đông Nhà nước	1.309.655		7,17%	
II	Cổ đông trong Công ty		2.131.156		11,66%
III	Cổ đông bên ngoài				
1	Cổ đông trong nước	6.268.402	1.378.178	34,30%	7,54%
2	Cổ đông ngoài nước	5.977.133	1.211.346	32,71%	6,63%

Tác phong **chuyên nghiệp**
hiệu quả **vượt trội**



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị

Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc

Giới thiệu Ban Kiểm soát

Nhân sự Công ty Transimex-Saigon

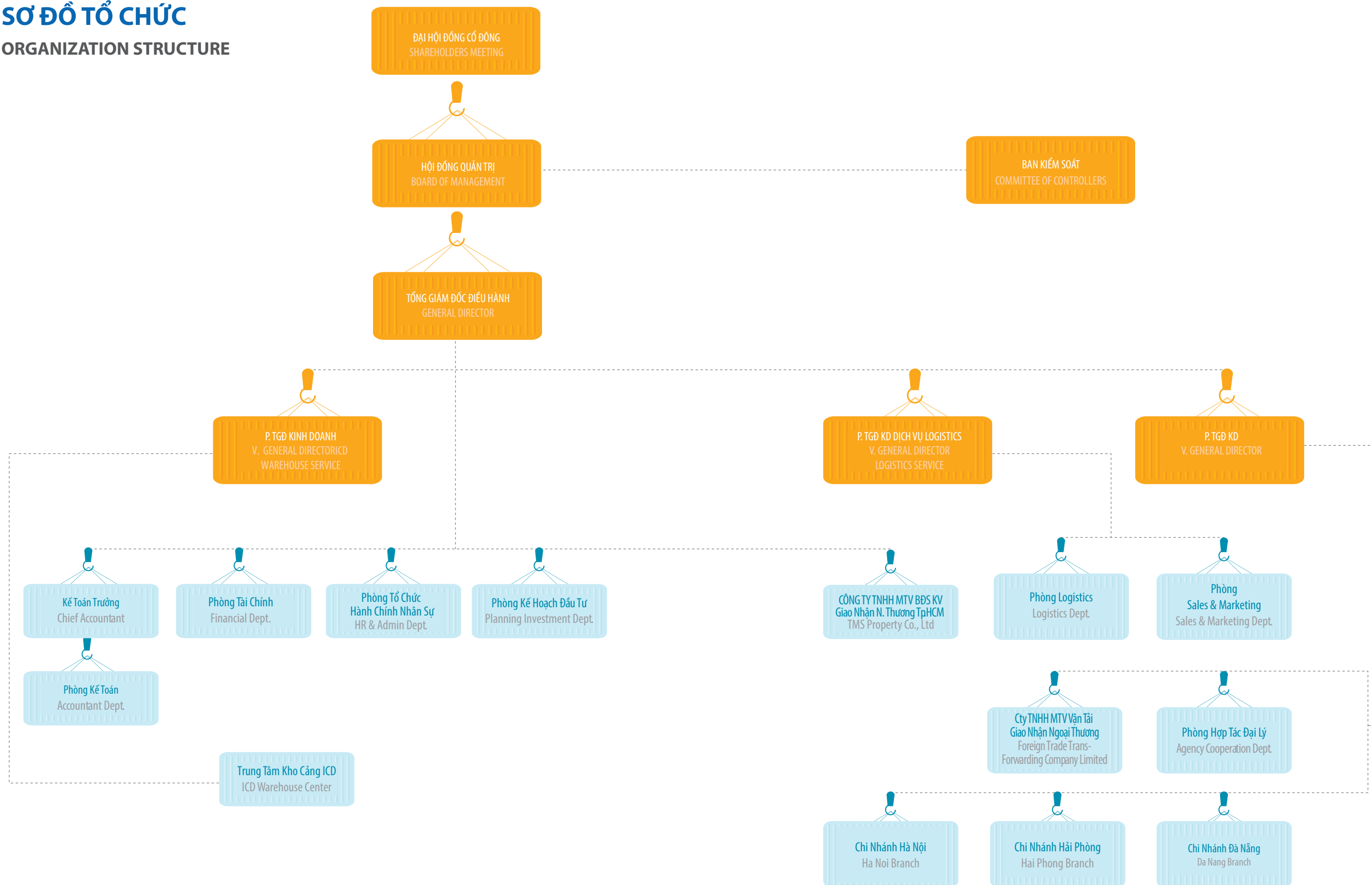
Lợi nhuận trước thuế
dự kiến năm 2012

63 Tỷ đồng

Tối đa hóa việc Vinafreight sử dụng các dịch vụ hiện có của Transimex-Saigon như Kho cảng ICD, dịch vụ vận tải, dịch vụ giao nhận hàng siêu trường siêu trọng - hàng dự án.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANIZATION STRUCTURE



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MEMBER OF B.O.M

Ông/Mr. Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chairman



Ông/Mr. Lê Duy Hiệp
Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Vice Chairman



Ông/Mr. Huỳnh Minh Thảo
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member



Ông/Mr. Nguyễn Việt Cường
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member



Ông/Mr. Vũ Chinh
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR BOARD

Ông/Mr. Lê Duy Hiệp
Tổng Giám Đốc
General Director



Ông/Mr. Nguyễn Trí Hùng
Phó Tổng Giám Đốc
Vice General Director



Ông/Mr. Nguyễn Chí Đức
Phó Tổng Giám Đốc
Vice General Director



Ông/Mr. Tôn Thất Hưng
Phó Tổng Giám Đốc
Vice General Director



Ông/Mr. Lê Văn Hùng
Kế Toán Trưởng
Chief Accountant



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BOARD OF SUPERVISORS

Ông/Mr. **Nguyễn Công Hiếu**
Trưởng Ban Kiểm Soát
Chief Supervisor



Ông/Mr. **Hoàng Phong Giao**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member



Bà/Ms. **Nguyễn Thị Đầm**
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member



343 NGƯỜI 60 NỮ
283 NAM

Tổng số nhân sự của Công ty Transimex-Saigon
tính đến ngày 31/3/2012

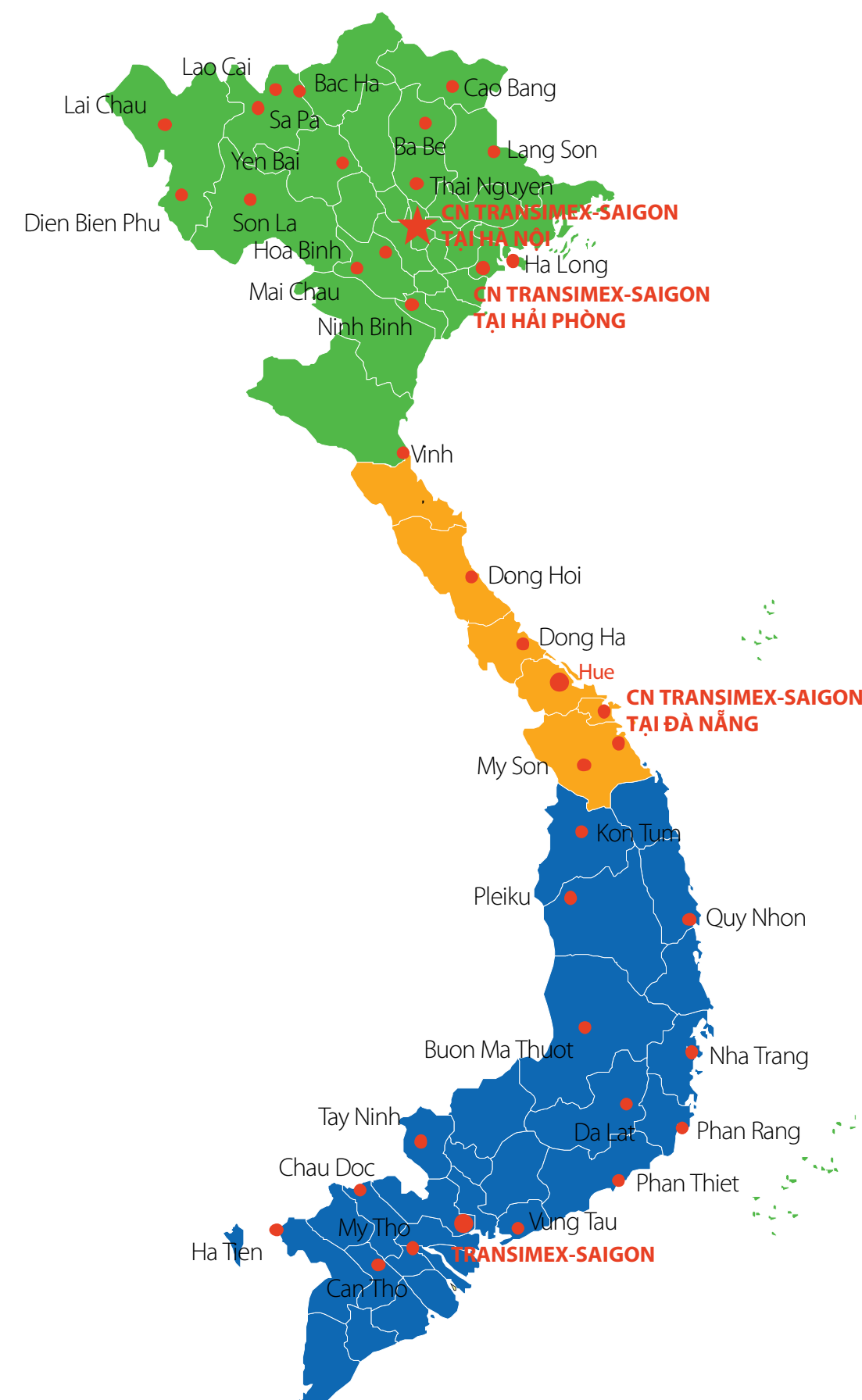
Trong năm 2011, Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho CB-CNV theo qui định của nhà nước.
Cụ thể như sau:

- » Thực hiện đăng ký đầy đủ các loại hình Bảo hiểm cho người lao động trong Công ty.
- » Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB-CNV Công ty.
- » Tặng quà Trung thu và tặng quà cho thiếu nhi con của CB-CNV trong Công ty nhân dịp Quốc tế thiếu nhi.
- » Tổ chức đi nghỉ mát cho toàn thể CB-CNV, trong đó, cán bộ quản lý, nhân viên suất sắc đạt thành tích cao được đi tham quan, du lịch ở nước ngoài.
- » Tặng quà cho các chị em nữ nhân dịp ngày phụ nữ Việt Nam (20/10) và ngày Quốc tế phụ nữ (8/3).
- » Đề xuất thưởng cho CB-CNV vào các ngày Lễ lớn trong năm.
- » Kết hợp với Công đoàn Công ty, hàng năm tổ chức hội thao CB-CNV vào các dịp lễ: 30/4 và 01/05, nhằm giao lưu và hợp mặt giữa các bộ phận trong Công ty.
- » Thông qua kế hoạch và chương trình đào tạo hàng năm, Công ty khuyến khích nhân viên học tập và rèn luyện theo định hướng chuyên môn, phù hợp với nghiệp vụ, rèn luyện thêm ngoại ngữ. Mặt khác, nâng cao trình độ quản trị cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao.





Uy tín của Công ty chúng tôi được xây dựng dựa trên tính chuyên nghiệp và lòng nhiệt thành, chất lượng dịch vụ.



MẠNG LƯỚI VÀ CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN DOANH

Hội sở và các chi nhánh

Công ty thành viên, liên doanh

HỘI SỞ VÀ CÁC CHI NHÁNH



TRỤ SỞ CHÍNH:

CÔNG TY TRANSIMEX-SAIGON

Lầu 9-10, TMS|BUILDING,
172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q. 1, TP. HCM
Tel: (84-8) 2220 2888 (16 lines) - Fax: (84-8) 2220 2889
Email: info@transimexsaigon.com

CHI NHÁNH

CN TRANSIMEX-SAIGON TẠI HÀ NỘI

Phòng 1401, tầng 14, 17T4 Building,
Hoàng Đạo Thúy, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 6251 1222 - Fax: (84-4) 6251 1380
Email: tmshn.info@transimexsaigon.com

CN TRANSIMEX-SAIGON TẠI HẢI PHÒNG

Phòng 8, tầng 1, Tòa nhà Thành Đạt,
Số 3 Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (84-313) 355 2735/36/37/38 - Fax: (84-313) 355 2739
Email: tmshp.info@transimexsaigon.com

CN TRANSIMEX-SAIGON TẠI ĐÀ NẴNG

Số 25-27 Hoàng Văn Thụ, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511) 356 1587/88 - Fax: (84-511) 356 1589
Email: tmsdn.info@transimexsaigon.com

TRUNG TÂM KHO CẢNG ICD TRANSIMEX

7/1, Ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức
Tel: (84-8) 3731 1528 - Fax: (84-8) 3731 3079
Email: icd.info@transimexsaigon.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỒNG NAI

257, Tổ 5, Khu Phố 11, Phường An Bình,
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Tel: (84-61) 629 3458 - Fax: (84-61) 629 3485
Email: dno.info@transimexsaigon.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN BÌNH DƯƠNG

02-03 tại Khu dịch vụ VSIP, số 2, Đường số 3,
KCN Việt Nam - Singapore, Huyện Thuận An, Bình Dương.
Tel: (84-650) 376 9122 - Fax: (84-650) 376 9121
Email: bdo.info@transimexsaigon.com

CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH

CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

- » Tên giao dịch: NIPPON EXPRESS VIETNAM LTD.
- » Hình thức liên doanh: Liên doanh giữa Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương TP.HCM (Transimex-Saigon) - TMS và Công ty TNHH Nippon Express Việt Nam -NEV. Trong đó Transimex-Saigon chiếm 50%, Công ty Nippon Express chiếm 50%.
- » Chức năng hoạt động: Dịch vụ giao nhận hàng hóa Xuất nhập khẩu; Kho ngoại quan; Kho CFS....
- » Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2011: Tổng doanh thu: 807.943.931.597 đồng.
- » Nguồn doanh thu, lợi nhuận và hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Nippon Express luôn ổn định và tăng so với năm trước. Tập thể CB-CNV Công ty đã dần tích lũy được kinh nghiệm trong điều hành và nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.
- » Hiện tại Công ty đang làm đại lý cho hơn 211 Thành phố và 37 Quốc gia trên thế giới.

CÔNG TY TNHH MTVVT GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG

- » Tên Chủ sở hữu: Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương -TP. HCM.
- » Tên giao dịch: TMS-TRANS
- » Trụ sở: 40 Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Quận 9, Tp. HCM
- » Hoạt động: từ 18/03/2009
- » Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói.
- » Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng.
- » Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2011: Tổng doanh thu: 44.734.745.133 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH.

- » Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ Phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương -TP. HCM.
- » Tên giao dịch: TMS-PROPERTY
- » Trụ sở: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM
- » Hoạt động: từ tháng 03/2009
- » Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát.
- » Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.
- » Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2011: Tổng doanh thu: 28.546.277.354 đồng.
- » Tòa nhà TMS|BUILDING, với tổng diện tích xây dựng 8.500 m2 (gồm 14 tầng và 2 tầng hầm), trong đó Công ty Transimex-Saigon đã sử dụng 2 tầng của cao ốc làm trụ sở chính, 100% diện tích còn lại đã được cho thuê. Đây cũng là nguồn thu ổn định, khá lớn cho Công ty.
- » Công ty Bất động TMS|BUILDING cung cấp và quản lý dịch vụ văn phòng theo tiêu chuẩn Quốc tế, thích hợp cho các cơ quan đại diện, thương gia, các tập đoàn nước ngoài muốn có ngay văn phòng làm việc tại Việt Nam mà không phải tốn nhiều chi phí và thời gian thuê mặt bằng, trang trí nội thất,...

CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH

TRANSIMEX-CAMBODIA COMPANY LIMITED

- » Tên giao dịch: TRANSIMEX-CAMBODIA COMPANY LIMITED.
- » Trụ sở: 09-10B/79, Regency Square, Street 205, SK.Tomnoubteok, KH.Chamkamon, Phnompenh, Cambodia.
- » Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ giao nhận, logistics, dịch vụ vận chuyển Container bằng xà lan từ Việt Nam sang Campuchia.
- » Tổng vốn đầu tư: 60.000 USD, tương đương 1.200.000.000 đồng, Công ty Transimex-Saigon chiếm 50% tổng vốn đầu tư.
- » Hội đồng quản trị quyết định thành lập Công ty liên doanh Transimex-Cambodia nhằm mở rộng, kết nối dịch vụ vận chuyển, Logistics...giữa hai nước trong tình hình giao thương đang có chiều hướng phát triển. Công ty hiện đã ký được hợp đồng làm đại lý cho Hãng tàu Quốc Gia Malaysia (MISC) tại lãnh thổ Campuchia.

CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS

- » Tên tiếng việt: CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX LOGISTICS.
- » Tên tiếng anh: TRANSIMEX LOGISTICS CO., LTD.
- » Tên viết tắt: TMS-LOGISTICS.
- » Trụ sở: Lô I-4b-1.3, Đường N3, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Tp.HCM
- » Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa; đường hàng không; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; đường thủy; hàng không; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- » Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (theo phương pháp gián tiếp)
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất	Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO KIỂM TOÁN



Số: 0551/2012/BCTC-KTTV

Headquarters	: 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang	: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho	: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City www.a-c.com.vn

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG – TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG – TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh (Công ty mẹ) và các Công ty thành viên (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 5 năm 2012, từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được soát xét của Công ty này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2012



Lý Quốc Trung – Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

ĐVT: VNĐ					
	TÀI SẢN	M. SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		118,324,585,133	121,145,932,161
I.	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		56,486,147,900	46,473,620,747
1.	Tiền	111	V.1	27,486,147,900	36,473,620,747
2.	Các khoản tương đương tiền	112		29,000,000,000	10,000,000,000
II.	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH NGẮN HẠN	120		1,653,163,200	7,469,660,771
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2,388,536,411	9,664,753,371
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(735,373,211)	(2,195,092,600)
III.	CÁC KHOẢN PHẢI THU	130		39,493,941,691	40,295,633,250
1.	Phải thu của khách hàng	131	V.4	31,530,534,655	18,912,496,456
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	1,425,810,693	12,203,078,365
3.	Phải thu nội bộ	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.6	6,941,169,863	9,180,058,429
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(403,573,520)	-
IV.	HÀNG TỒN KHO	140		8,157,129,494	10,783,734,970
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	8,157,129,494	10,783,734,970
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		12,534,202,848	16,123,282,423
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4,247,455,197	2,705,781,049
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		977,701,553	7,023,234,724
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	532,695,630
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	7,309,046,098	5,861,571,020
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		529,974,602,830	480,189,171,900
I.	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc			-	
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	212		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	213		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

ĐVT: VNĐ					
	TÀI SẢN	M. SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (tt)	200		529,974,602,830	480,189,171,900
II.	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		238,068,944,979	252,257,856,625
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	228,654,995,504	244,353,620,795
	Nguyên giá	222		356,445,238,270	347,609,777,080
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127,790,242,766)	(103,256,156,285)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2,886,446,269	2,735,871,261
	Nguyên giá	228		3,176,168,000	2,957,818,000
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(289,721,731)	(221,946,739)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	6,527,503,206	5,168,364,569
III.	BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	240	V.14	75,664,052,345	78,382,520,345
	Nguyên giá	241		84,498,175,910	84,498,175,910
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8,834,123,565)	(6,115,655,565)
IV.	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH DÀI HẠN	250		191,616,314,473	123,810,470,428
1.	Đầu tư vào Công ty thành viên	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	191,616,314,473	120,774,920,713
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	12,225,592,073
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(9,190,042,358)
V.	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		6,999,449,662	6,988,324,501
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	2,641,710,332	2,349,145,821
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	2,225,750,590	2,507,189,940
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	2,131,988,740	2,131,988,740
VI.	LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	V.19	17,625,841,371	18,750,000,000
				-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		648,299,187,963	601,335,104,060

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

ĐVT: VND					
	NGUỒN VỐN	M. SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		177,662,453,677	191,047,560,566
I.	NỢ NGẮN HẠN	310		66,151,846,740	31,848,747,762
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	41,500,419,041	10,078,939,307
2.	Phải trả cho người bán	312	V.21	6,731,434,002	3,435,637,640
3.	Người mua trả tiền trước	313		539,867,420	100,000,000
4.	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.22	3,616,072,543	518,188,622
5.	Phải trả người lao động	315		382,329,936	1,050,987,764
6.	Chi phí phải trả	316	V.23	7,961,538,658	10,201,250,760
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.24	4,399,135,156	5,332,367,966
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	1,021,049,984	1,131,375,703
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	NỢ DÀI HẠN	320		111,510,606,937	159,198,812,804
1.	Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	323	V.26	5,635,409,543	6,469,019,444
4.	Vay và nợ dài hạn	324	V.27	102,747,923,416	149,599,716,139
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		31,263,999	31,263,999
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	3,096,009,979	3,098,813,222
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		469,794,001,505	409,391,675,406
I.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		469,794,001,505	409,391,675,406
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	182,758,700,000	165,152,140,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	141,750,667,853	126,607,227,853
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	413		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	V.29	523,079,201	1,393,446,620
7.	Quỹ đầu tư phát triển	416	V.29	31,548,341,630	29,638,347,505
8.	Quỹ dự phòng tài chính	417	V.29	8,777,273,107	8,140,608,398

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012 (TT) ĐVT: VND					
	NGUỒN VỐN	M. SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.29	104,435,939,714	78,459,905,030
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
II.	NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.30	842,732,781	895,868,088
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		648,299,187,963	601,335,104,060

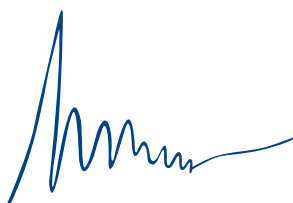
CÁC CHỈ TIÊU
NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

ĐVT: tỷ đồng				
	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại:			
	Dollar Mỹ (USD)		231,935.45	255,712.28
	Dollar Singapore (SGD)		5,000.00	4,970.00
	Dollar Hongkong (HKD)		2,500.00	6,327.69
6.	Dự toán chi phí hoạt động		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2012



Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

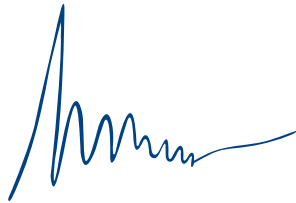
BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

ĐVT: VNĐ					
	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	281,233,267,652	240,246,363,707
2.	Các khoản giảm trừ	03		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	281,233,267,652	240,246,363,707
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	217,213,269,165	194,163,987,115
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64,019,998,487	46,082,376,592
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,461,689,218	9,018,967,003
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	15,707,554,698	17,812,007,481
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,748,659,215	6,766,049,531
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,634,451,404	4,269,295,398
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	22,546,027,189	18,630,987,596
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,593,654,414	14,389,053,120
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	7,569,638,707	28,929,791,534
12.	Chi phí khác	32	VI.8	10,490,626,976	16,689,946,664
13.	Lợi nhuận khác	40		(2,920,988,269)	12,239,844,870
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.15	32,933,299,673	30,001,997,203
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59,605,965,818	56,630,895,193
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	8,477,898,560	9,169,804,108
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		281,439,350	(1,155,549,631)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50,846,627,908	48,616,640,716
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(53,135,307)	(4,131,912)
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		50,899,763,215	48,620,772,628
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2,841	2,944

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2012



Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

ĐVT: tỷ đồng					
	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		59,605,965,818	56,630,895,193
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
»	Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V14	29,375,822,802	24,992,981,113
»	Các khoản dự phòng	03		(10,246,188,227)	9,468,027,542
»	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	119,195,970
»	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.15; VI.3, VI.7, VI.8	(26,335,680,617)	(50,707,364,349)
»	Chi phí lãi vay	06	VI.4	14,748,659,215	6,766,049,531
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		67,148,578,991	47,269,784,999
»	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5,459,869,120	(5,244,535,901)
»	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,492,215,376	(2,848,175,082)
»	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1,108,978,034)	(18,041,278,993)
»	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,643,940,432)	1,251,164,825
»	Tiền lãi vay đã trả	13	V.23; VI.4	(16,815,563,326)	(6,766,049,531)
»	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(5,273,911,964)	(12,520,631,493)
»	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		518,838,801	-
»	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5,773,267,995)	(5,304,252,599)
»	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46,003,840,538	(2,203,973,775)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
»	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11; V.12; V.13; VII	(11,534,005,772)	(57,709,321,007)
»	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	6,085,631,837	27,787,651,159
»	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1,500,000,000)
»	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	1,500,000,000	-
»	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15	(47,609,172,410)	(56,250,000,000)
»	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
»	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.15; VI.3	11,752,155,872	8,135,849,993
»	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(39,805,390,474)	(79,535,819,855)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

ĐVT: tỷ đồng					
	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	» Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
	» Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
	» Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	40,171,236,000	107,566,491,590
	» Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20; V.27	(19,034,548,989)	(35,395,524,337)
	» Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
	» Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(16,511,655,950)	(3,690,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4,625,031,061	72,167,277,253
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10,823,481,125	(9,572,516,377)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	46,473,620,747	55,584,047,785
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(810,953,972)	462,089,339
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	56,486,147,900	46,473,620,747

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2012



Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh (công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ: Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ hàng hải, dịch vụ cho thuê văn phòng.
3. Ngành nghề kinh doanh: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kê ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Sửa chữa máy móc thiết bị (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí trụ sở); Chuyển phát; Đại lý du lịch.
4. Tổng số các Công ty con: 03

Trong đó:

- » Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03
- » Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: -

5. Danh sách các Công ty con quan trọng được hợp nhất

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. HCM	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương – TP. HCM	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. HCM	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị	Lô số D11, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	70,00%	70,00%

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam	364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%
Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An	Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	20,00%	20,00%

7. Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	LÝ DO
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương	A8 Trường Sơn P02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Chưa thu thập được Báo cáo tài chính.

Công ty cổ phần vận tải ngoại thương trở thành Công ty liên kết của Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh từ ngày 31 tháng 01 năm 2012. Do đó, việc không trình bày khoản đầu tư vào Công ty này theo phương pháp vốn chủ sở hữu không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 Tập đoàn có 461 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 507 nhân viên).

9. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh đã tăng vốn điều lệ lên 182.758.700.000 VND bằng việc chuyển đổi 32.750 trái phiếu chuyển đổi thành 1.760.656 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 - 2011 ngày 24 tháng 6 năm 2011.

NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh (công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của Công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán Công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.9.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí liên quan đến tòa nhà

Các chi phí liên quan đến tòa nhà bao gồm các chi phí phát sinh cho việc ngấm hóa, di dời trước tòa nhà TMS được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí mua thẻ hội viên sân golf

Chi phí mua thẻ hội viên sân golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Phí phát hành trái phiếu

Phí phát hành trái phiếu được phân bổ vào chi phí trong thời gian 02 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

18. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước. Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	MỤC ĐÍCH	TỶ LỆ TRÍCH LẬP TỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	15%
Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	14%

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày	31/3/2011	:	20.703 VND/USD
	31/3/2012	:	20.828 VND/USD.

24. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.10.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TT)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	691.151.156	535.539.331
Tiền gửi ngân hàng	26.794.996.744	35.938.081.416
Các khoản tương đương tiền (*)	29.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	56.486.147.900	46.473.620.747

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

2. Đầu tư ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.388.536.411		7.831.451.840
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	6	155.218	64.366	1.665.126.107
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	-	-	200.000	5.933.106.693
Công ty CP giao nhận vận tải và thương mại (VNL)	22.590	286.988.813	18.000	233.219.040
Công ty CP đầu tư - kinh doanh nhà (ITC)	137.390	2.004.651.130		-
Công ty CP Sông Ba (SBA)	15.000	96.741.250	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		-		1.833.301.531
Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống			-	333.301.531
Cho Công ty cổ phần hàng hải Sài Gòn vay với lãi suất 12%/năm			-	1.500.000.000
Cộng		2.388.536.411		9.664.753.371

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín giảm do bán 64.360 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.664.970.889 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần giao nhận và thương mại: tăng do mua thêm 8.400 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 103.134.470 VND, giảm do chuyển nhượng 3.810 cổ phiếu với giá chuyển nhượng và chi phí là 49.364.697 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư - kinh doanh nhà: tăng do mua 137.390 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua 2.004.651.130 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Ba: tăng do mua 15.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua 96.741.250 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	2.195.092.600
Trích lập dự phòng	(1.459.719.389)
Số cuối năm	735.373.211

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của hoạt động giao nhận hàng hóa	11.149.176.957	7.682.408.605
Phải thu của hoạt động kho vận, vận tải	20.210.636.385	11.028.914.470
Phải thu của hoạt động cho thuê văn phòng	170.721.313	201.173.381
Cộng	31.530.534.655	18.912.496.456

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp dịch vụ	1.029.665.321	511.619.924
Các nhà cung cấp mua sắm tài sản cố định	396.145.372	11.691.458.441
Cộng	1.425.810.693	12.203.078.365

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản chi hộ	5.079.139.539	6.564.814.743
Các khoản phải thu khác	1.862.030.324	2.615.243.686
Cộng	6.941.169.863	9.180.058.429

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi : Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.611.982.963	3.042.543.776
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.545.146.531	7.741.191.194
Cộng	8.157.129.494	10.783.734.970

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.040.020.289	1.520.616.433
Chi phí bảo hiểm	718.966.579	754.668.781
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	96.002.000	177.228.840
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	392.466.329	253.266.995
Cộng	4.247.455.197	2.705.781.049

10.Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	6.553.916.137	5.545.724.892
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	474.707.539	35.423.706
Tài sản thiếu chờ xử lý	280.422.422	280.422.422
Cộng	7.309.046.098	5.861.571.020

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	130.159.077.041	133.333.333	191.962.200.790	24.789.558.656	565.607.260	347.609.777.080
Mua trong năm	863.428.182	-	2.018.066.628	3.013.762.045	-	5.895.256.855
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.890.400.821	-	-	-	-	14.890.400.821
Thanh lý, nhượng bán	(2.969.407.038)	-	(8.874.133.148)	(106.656.300)	-	(11.950.196.486)
Điều chỉnh phân loại	(1.485.946.300)	-	-	1.485.946.300	-	-
Số cuối năm	141.457.552.706	133.333.333	185.106.134.270	29.182.610.701	565.607.260	356.445.238.270
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.291.444.881	-	37.126.594.023	4.582.802.481	565.607.260	50.566.448.645
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	25.981.077.458	33.333.333	69.812.633.485	6.863.504.749	565.607.260	103.256.156.285
Khấu hao trong năm	7.654.826.488	26.666.666	15.693.017.977	3.215.068.679	-	26.589.579.810
Thanh lý, nhượng bán	(638.199.407)	-	(1.396.555.192)	(20.738.730)	-	(2.055.493.329)
Số cuối năm	32.997.704.539	59.999.999	84.109.096.270	10.057.834.698	565.607.260	127.790.242.766
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	104.177.999.583	100.000.000	122.149.567.305	17.926.053.907	-	244.353.620.795
Số cuối năm	108.459.848.167	73.333.334	100.997.038.000	19.124.776.003	-	228.654.995.504
Trong đó:						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 140.245.821.141 VND và 105.456.963.390 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.708.840.000	32.500.000	216.478.000	2.957.818.000
Mua trong năm	-	-	218.350.000	218.350.000
Số cuối năm	2.708.840.000	32.500.000	434.828.000	3.176.168.000
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	18.281.241	203.665.498	221.946.739
Khấu hao trong năm	-	9.531.241	58.243.751	67.774.992
Số cuối năm	-	27.812.482	261.909.249	289.721.731
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.708.840.000	14.218.759	12.812.502	2.735.871.261
Số cuối năm	2.708.840.000	4.687.518	172.918.751	2.886.446.269
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	5.159.130.024	-	-	5.159.130.024
XDCB dở dang	9.234.545	16.249.539.458	(14.890.400.821)	1.368.373.182
Cộng	5.168.364.569	16.249.539.458	(14.890.400.821)	6.527.503.206

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	84.498.175.910	6.115.655.565	78.382.520.345
Tăng trong năm	-	2.718.468.000	
Số cuối năm	84.498.175.910	8.834.123.565	75.664.052.345

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư được Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

		Số cuối năm		Số đầu năm	
Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam (a)	Dịch vụ vận chuyển	50,00%	102.843.269.936	50,00%	83.680.465.263
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An (b)	Dịch vụ hàng hải	25,00%	56.163.872.127	20,00%	37.094.455.450
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương (c)	Dịch vụ hàng hải	24,83%	32.609.172.410	-	-
Cộng			191.616.314.473		120.774.920.713

a) Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam với giá trị là 12.525.000.000 VND, tương đương USD 750.000.00, chiếm tỷ lệ 50% vốn pháp định.

(b) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh ngày 18 tháng 6 năm 2010 với tổng giá trị góp vốn là 71.250.000.000 VND tương đương 25% tổng giá trị vốn góp.

(c) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải ngoại thương với số lượng cổ phiếu là 1.390.400 cổ phiếu, chiếm 24,83% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giá trị phần sở hữu phát sinh	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	83.680.465.263	-	24.520.892.079	(3.758.658.329)	(1.599.429.077)	102.843.269.936
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	37.094.455.450	15.000.000.000	8.412.407.594	(3.750.000.000)	(592.990.917)	56.163.872.127
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương	-	32.609.172.410	-	-	-	32.609.172.410
Cộng	120.774.920.713	47.609.172.410	32.933.299.673	(7.508.658.329)	(2.192.419.994)	191.616.314.473

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phản bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	233.928.145	1.537.529.422	(259.546.955)	1.511.910.612
Chi phí liên quan đến tòa nhà	1.541.244.766	-	(783.802.732)	757.442.034
Chi phí mua thẻ hội viên sân Golf	184.536.240	-	(107.197.040)	77.339.200
Chi phí trả trước dài hạn khác	389.436.670	545.626.819	(640.045.003)	295.018.486
Cộng	2.349.145.821	2.083.156.241	(1.790.591.730)	2.641.710.332

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2.507.189.940
Số phát sinh	(281.439.350)
Số cuối năm	2.225.750.590

18. Tài sản dài hạn khác: Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Lợi thế thương mại

<i>Nguyên giá</i>	
Số đầu năm	18.750.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	592.990.917
Số cuối năm	19.342.990.917
<i>Số đã phân bổ</i>	
Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	1.717.149.546
Số cuối năm	1.717.149.546
<i>Giá trị còn lại</i>	
Số đầu năm	18.750.000.000
Số cuối năm	17.625.841.371

Lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An. Giá trị hợp lý của Công ty này tại ngày mua được xác định bằng giá trị sổ sách.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	30.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	11.500.419.041	10.078.939.307
Cộng	41.500.419.041	10.078.939.307

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tòa nhà văn phòng 172 Hai Bà Trưng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Hoán đổi cổ phiếu	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	36.354.236.000	-	(6.354.236.000)	-	30.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	3.817.000.000	-	-	(3.817.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10.078.939.307	-	7.771.537.534	(6.350.057.800)	-	11.500.419.041
Cộng	10.078.939.307	40.171.236.000	7.771.537.534	(12.704.293.800)	(3.817.000.000)	41.500.419.041

21. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp dịch vụ	6.617.149.783	2.855.180.893
Các nhà cung cấp tài sản cố định	114.284.219	580.456.747
Cộng	6.731.434.002	3.435.637.640

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	448.425.739	5.044.613.213	(4.873.665.020)	619.373.932
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.021.200	(11.021.200)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	169.192.505	(169.192.505)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(532.695.629)	8.477.898.561	(5.273.911.964)	2.671.290.968
Thuế thu nhập cá nhân	63.215.239	1.089.339.154	(1.004.979.660)	147.574.733
Các loại thuế khác	6.547.644	986.427.929	(815.142.663)	177.832.910
Cộng	(14.507.007)	15.778.492.562	(12.147.913.012)	3.616.072.543

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất	0 %
Dịch vụ vận chuyển bốc xếp	10 %
Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.605.965.818	56.630.895.193
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện	-	(125.055.996)
• Lỗ trong năm của các ông ty con	(5.347.818.252)	(7.313.901.312)
• Các khoản điều chỉnh tăng khác	6.007.026.952	10.067.909.541
• Các khoản điều chỉnh giảm khác	(27.049.412.376)	(22.580.630.994)
Thu nhập chịu thuế	33.215.762.142	36.679.216.432
Lỗ các năm trước được chuyển	(418.122.607)	-
Thu nhập tính thuế	32.797.639.535	36.679.216.432
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.199.409.884	9.169.804.108
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	278.488.676	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.477.898.560	9.169.804.108

Các loại thuế khác
Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giao nhận hàng hóa	3.008.069.385	3.487.435.376
Chi phí lãi vay	4.289.260.273	6.356.164.384
Chi phí phải trả khác	664.209.000	357.651.000
Cộng	7.961.538.658	10.201.250.760

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	124.182.953	386.429.934
Kinh phí công đoàn	282.286.941	282.334.941
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
Các khoản thu hộ	3.265.434.791	4.551.043.229
Các khoản phải trả khác	687.230.471	72.559.862
Cộng	4.399.135.156	5.332.367.966

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	625.053.958	2.444.853.471	(2.384.668.000)	685.239.429
Quỹ phúc lợi	469.247.294	916.820.052	(1.404.092.723)	(18.025.377)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	37.074.451	916.820.052	(600.058.571)	353.835.932
Cộng	1.131.375.703	4.278.493.575	(4.388.819.294)	1.021.049.984

26. Phải trả dài hạn khác: Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

27. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	35.497.923.416	49.599.716.139
• Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	15.879.619.520	21.517.812.243
• Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – Chi nhánh Sài Gòn (ii)	12.608.303.896	19.081.903.896
• Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	7.010.000.000	9.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi – Lãi suất 8%/năm	67.250.000.000	100.000.000.000
Cộng	102.747.923.416	149.599.716.139

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii)Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – Chi nhánh Sài Gòn để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii)Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	46.998.342.457	11.500.419.041	18.871.404.923	16.626.518.493
Trái phiếu chuyển đổi	67.250.000.000	-	67.250.000.000	-
Cộng	114.248.342.457	11.500.419.041	86.121.404.923	16.626.518.493

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số chuyển đổi sang cổ phiếu	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	49.599.716.139	(4.340.255.189)	(7.771.537.534)	-	37.487.923.416
Trái phiếu chuyển đổi	100.000.000.000	(1.990.000.000)	-	(32.750.000.000)	65.260.000.000
Cộng	149.599.716.139	(6.330.255.189)	(7.771.537.534)	(32.750.000.000)	102.747.923.416

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

28. Doanh thu chưa thực hiện: Nhận tiền trả trước cho thuê văn phòng.

29.Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 43.

Cổ tức:

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (10% mệnh giá)	16.511.655.950
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	16.511.655.950

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.275.870	16.515.214
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.275.870	16.515.214
• Cổ phiếu phổ thông	18.275.870	16.515.214
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.275.870	16.515.214
• Cổ phiếu phổ thông	18.275.870	16.515.214
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn.

30.Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	895.868.088
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(53.135.307)
Số cuối năm	842.732.781

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ giao nhận	120.854.513.339	96.419.051.590
Doanh thu dịch vụ kho vận	123.135.218.782	106.238.913.647
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ quản lý	28.546.277.354	32.258.701.197
Doanh thu dịch vụ cho thuê sà lan	6.100.000.085	5.329.697.273
Doanh thu dịch vụ khác	2.597.258.092	-
Cộng	281.233.267.652	240.246.363.707

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ giao nhận	108.346.560.489	88.843.203.418
Giá vốn dịch vụ kho vận	95.284.537.184	92.931.073.272
Giá vốn kinh doanh bất động sản	5.437.120.848	8.265.147.043
Giá vốn dịch vụ cho thuê sà lan	5.975.156.374	4.124.563.382
Giá vốn dịch vụ khác	2.169.894.270	-
Cộng	217.213.269.165	194.163.987.115

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.190.747.543	7.880.068.131
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	218.352.703	581.313.529
Lãi cho vay	-	200.000.000
Lãi đầu tư chứng khoán	-	46.194.910
Cổ tức, lợi nhuận được chia	52.750.000	55.781.862
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	951.746.780	250.598.425
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.092.192	5.010.146
Cộng	5.461.689.218	9.018.967.003

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.748.659.215	6.766.049.531
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	403.957.540	1.183.493.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	119.195.970
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	10.418.198.766	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(10.649.761.747)	9.468.027.542
Chi phí tài chính khác	786.500.924	275.241.030
Cộng	15.707.554.698	17.812.007.481

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	813.404.977	908.795.895
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.962.487	13.656.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	622.328.145	2.849.663.150
Chi phí khác	182.755.795	497.179.785
Cộng	1.634.451.404	4.269.295.398

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.547.854.491	10.441.327.001
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	704.346.060	1.241.756.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.251.423	440.859.342
Lợi thế thương mại	1.717.149.546	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.656.253.725	5.133.194.146
Chi phí khác	2.551.171.944	1.373.850.165
Cộng	22.546.027.189	18.630.987.596

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.085.631.837	27.787.651.159
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	361.924.875	500.000.000
Cho thuê đầu kéo	581.782.581	252.145.456
Các khoản thu nhập khác	540.299.414	389.994.919
Cộng	7.569.638.707	28.929.791.534

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	8.518.156.363	15.218.134.006
Giá vốn hàng hóa thanh lý	259.090.911	
Thuế bị phạt, bị truy thu	124.720.541	2.700.000
Các khoản chi phí khác	1.588.659.161	1.469.112.658
Cộng	10.490.626.976	16.689.946.664

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	50.899.763.215	48.620.772.628
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.899.763.215	48.620.772.628
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	17.915.080	16.515.214
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.841	2.944

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	16.515.214	13.212.488
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 6 năm 2011	1.399.866	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 12 năm 2010	-	3.302.726
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.915.080	16.515.214

10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.269.868.741	34.070.228.951
Chi phí nhân công	44.955.813.362	50.730.713.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.439.143.400	24.992.981.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.686.232.646	118.083.109.409
Chi phí khác	7.369.166.752	5.925.962.938
Cộng	250.720.224.901	233.802.995.764

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền và các giao dịch có liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu	32.750.000.000	-
Tiền ứng trước mua tài sản cố định	396.145.372	11.691.458.441
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	33.027.260.000
Mua tài sản cố định chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp	114.284.219	580.456.747
Tăng vốn đầu tư bằng lợi nhuận từ Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	-	2.925.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.3 đến VIII.7 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do các Công ty trong Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.825.158.917	1.550.778.630
Phụ cấp	13.104.000	26.208.000
Cộng	2.838.262.917	1.576.986.630

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	855.765.435	972.392.093
Lợi nhuận được chia từ góp vốn tham gia liên doanh	3.758.658.329	5.252.813.528

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TT)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Dịch vụ cung cấp	58.586.694	-
Cộng nợ phải thu	58.586.694	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.486.147.900	46.473.620.747	56.486.147.900	46.473.620.747
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	333.301.531	-	333.301.531
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.653.163.200	8.671.908.955	1.653.163.200	8.671.908.955
Phải thu khách hàng	31.126.961.135	18.912.496.456	31.126.961.135	18.912.496.456
Các khoản cho vay	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	16.101.782.279	16.893.195.767	16.101.782.279	16.893.195.767
Cộng	105.368.054.514	92.784.523.456	105.368.054.514	92.784.523.456
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.731.434.002	3.435.637.640	6.731.434.002	3.435.637.640
Vay và nợ	144.248.342.457	159.678.655.446	144.248.342.457	159.678.655.446
Phải trả người lao động	382.329.936	1.050.987.764	382.329.936	1.050.987.764
Chi phí phải trả	7.961.538.658	10.201.250.760	7.961.538.658	10.201.250.760
Các khoản phải trả khác	10.034.544.699	11.801.387.410	10.034.544.699	11.801.387.410
Cộng	169.358.189.752	186.167.919.020	169.358.189.752	186.167.919.020

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TT)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.11).

Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	105.456.963.390	Đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Cộng	105.456.963.390	
Số đầu năm		
Nhà cửa, vật kiến trúc	64.357.255.485	Đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Cộng	64.357.255.485	

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TT)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	6.731.434.002	-	-	6.731.434.002
Vay và nợ	41.500.419.041	86.121.404.923	16.626.518.493	144.248.342.457
Phải trả người lao động	382.329.936	-	-	382.329.936
Chi phí phải trả	7.961.538.658	-	-	7.961.538.658
Các khoản phải trả khác	4.399.135.156	5.635.409.543	-	10.034.544.699
Cộng	60.974.856.793	91.756.814.466	16.626.518.493	169.358.189.752
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	3.435.637.640	-	-	3.435.637.640
Vay và nợ	10.078.939.307	132.973.197.646	16.626.518.493	159.678.655.446
Phải trả người lao động	1.050.987.764	-	-	1.050.987.764
Chi phí phải trả	10.201.250.760	-	-	10.201.250.760
Các khoản phải trả khác	5.332.367.966	6.469.019.444	-	11.801.387.410
Cộng	30.099.183.437	139.442.217.090	16.626.518.493	186.167.919.020

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

BẢN THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2012

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TT)

Rủi ro ngoại tệ
Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất
Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác
Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đáng kể đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

8. Thông tin khác

Như đã trình bày ở thuyết minh IV.22 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty trong Tập đoàn áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản công nợ là 523.079.201 VND (số đầu năm là lãi 1.393.446.620 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2012


Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu


Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

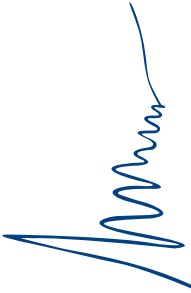

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	CỘNG
Số dư đầu năm nay	132,124,880,000	126,607,227,853	885,625,869	26,496,359,162	7,093,278,950	70,201,388,535	363,408,760,369
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	48,620,772,629	48,620,772,629
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	3,141,988,343	1,047,329,448	(7,331,306,134)	(3,141,988,343)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	33,027,260,000	-	-	-	-	(33,027,260,000)	-
Chia cổ tức	33,027,260,000	-	-	-	-	(3,690,000)	(3,690,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	(885,625,869)	-	-	-	(885,625,869)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	1,393,446,620	-	-	-	1,393,446,620
SỐ DƯ CUỐI NĂM TRƯỚC	165,152,140,000	126,607,227,853	1,393,446,620	29,638,347,505	8,140,608,398	78,459,905,030	409,391,675,406
Số dư đầu năm nay	165,152,140,000	126,607,227,853	1,393,446,620	29,638,347,505	8,140,608,398	78,459,905,030	409,391,675,406
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	17,606,560,000	15,143,440,000	-	-	-	-	32,750,000,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	50,899,763,215	50,899,763,215
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(16,515,214,000)	(16,515,214,000)
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	4,584,100,261	1,528,033,421	(10,390,627,258)	(4,278,493,576)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	(1,393,446,620)	-	-	-	(1,393,446,620)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	523,079,201	-	-	-	523,079,201
Điều chỉnh khác	-	-	-	(2,674,106,136)	(891,368,712)	1,982,112,727	(1,583,362,121)
SỐ DƯ CUỐI NĂM NAY	182,758,700,000	141,750,667,853	523,079,201	31,548,341,630	8,777,273,107	104,435,939,714	469,794,001,505

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2012


Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu


Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng


Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc



MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF THE MANAGEMENT BOARD

Dear customers, partners and shareholders!

*On behalf of the Transforwarding and Warehousing Corporation - Ho Chi Minh City (Transimex-Saigon),
I would like to send greetings to all of you.*

Ladies and Gentlemen!

Despite the difficulties and challenges facing the world economy in general and Vietnam's economy in particular in 2011, Transimex-Saigon tried to gain the highest ever sales and profit.

Besides the steady growth of financial indicators, the size of the company's capital has increased significantly. Since the first listing in HCM City Stock Exchange on May 8, 2000 with a chartered capital of VND22 billion, the company's capital increased to nearly VND183 billion and its total sales also rose to VND281 billion from the VND70 billion in 2001.

Transimex-Saigon's operations has been developed both in quantity and quality. By many measures to

promote its internal resources, the company has always paid attention to developing traditional services and invested in modern facilities to meet the needs of customers. The Company has build a dynamic operating system, improved the service quality, maintained the development space, stabilized the financial ability, expanded relations with various partners, taken market opportunities and developed effective business strategies to achieve success.

The Transimex-Saigon brand has been developed through logistics services contracts signed with its large partners at home and abroad. Transimex-Saigon always aims to become one of the leading enterprises in the field of overall logistics services.

The achievements gained by Transimex-Saigon during nearly 30 years of construction and development have resulted from its proper strategic orientation, the consistent application of an ISO quality management system, the risk management process, the dynamic operating system, and the great efforts of all the staff members who have always devoted themselves to company's development.

The entire staff of Transimex-Saigon are proud for their success and will continue trying to improve their professional skills and creativity to take the company to higher development steps.

To fulfill the 2012 business plan, the Board has set out sustainable development strategies to continue to promote the company's advantages in terms of material facilities and human resources as follows:

Putting focus on developing traditional services through the following measures:

- » Using all resources to best exploit and utilize the infrastructure and equipment invested in the ICD Transimex; developing services including container services; increasing the utilization of the CFS, the bonded warehouses, and especially the cold storage to achieve their maximum utilization capacities;
- Investing in and expanding the business infrastructure and space to further develop operations of normal warehouses; expanding the areas used for business activities in the ICD;
- Strengthening investments in equipment to develop forwarding services for project cargo, super long and super weight goods; and providing 3PL services to customers in export processing zones and industrial parks;
- Further investing in facilities necessary for the development of inland waterway transport services; and

- Continuing to increase investment rates in companies with the same business lines, especially companies operating in the fields of sea ports, ICD and airfreight services; and boosting the strategic cooperation with these companies to improve the overall logistics services chain of Transimex-Saigon;

- » Best implementing the company's quality control procedures and risk management system;
- » Strengthening the control over operating expenses, service costs, and the use of assets and infrastructure to create service products with high quality and competitive prices; and
- » Building effective marketing strategies, expanding markets and securing more new customers.

On behalf of the Board, I pledges to do my best to bring maximum benefit to the shareholders, customers and staff of Transimex-Saigon.

On this occasion, on behalf of the Board of Management and the Board of Directors and the entire staff of the Company, I would like to send sincere thanks to the shareholders, partners and customers and partners for their trust in and cooperation with Transimex-Saigon.

I also thanks all agencies, organizations and individuals for their support to the Company in the past and I hope that they will continue giving assistance to the Company in the future. My thanks are also extended to all the staff members who have devoted themselves to the Company's development.

We wish you health, happiness and success.

Sincerely yours

Bui Tuan Ngoc
Chairman of the Board

OUTSTANDING EVENTS IN 2011

06/04/2012

Signing a contract to supply logistics services to the Vinh Tan 2 Thermal Power Project between Transimex-Saigon and the Shanghai Electric Corporation.

02/2012

Purchasing shares at Vinafreight (VNF) to increase the share holding rate (total: 1,390,400 shares, or 24,83% of charter capital of VNF).

13/06/2011

Announcing the completion of the project for Planning and Upgrading the Transimex ICD.

30/03/2012

Transimex-Saigon signed a business cooperation and strategic partnership agreement with Vinafreight (VNF).

05/08/2011

Organizing a conference to introduce Transimex-Saigon's logistics services to other members of the Saigon Trading Corporation (Satra).



COMPANY'S HISTORY FORMATION PROCESS

ESTABLISHMENT

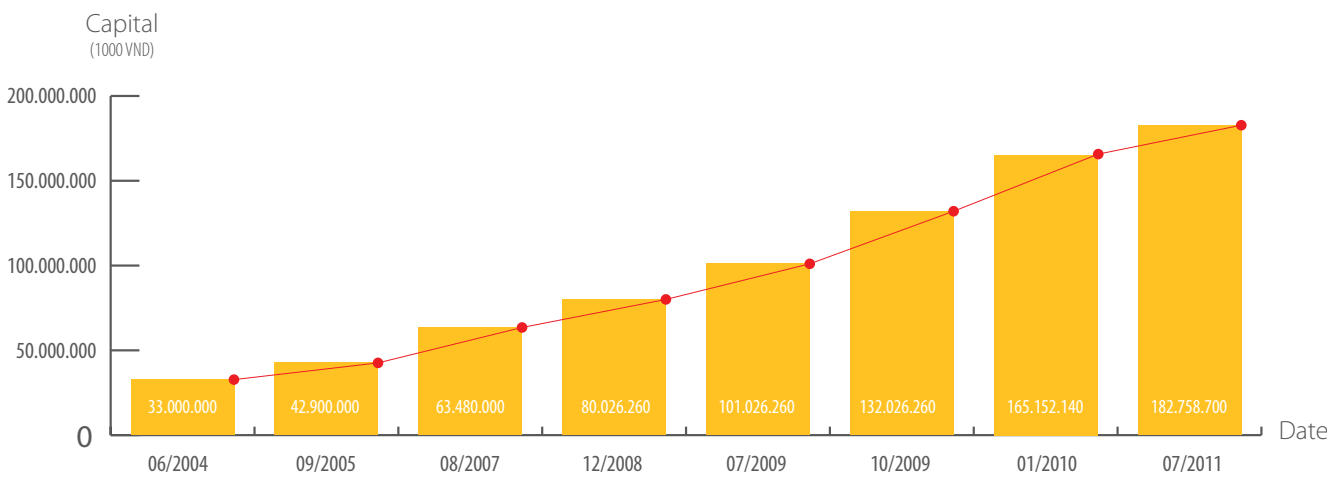
Transimex-Saigon used to be a State - owned business was established in 1983 with its headquarter located at 172 Hai Ba Trung St. Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City.

INITIAL PUBLIC OFFERING

On August 04, 2000, 2,200,000 shares of Transimex-Saigon was officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with an initial value of VND 14,000 each. The company's stock code is TMS.

PROCESS FOR INCREASING CHARTERED CAPITAL

The existing chartered capital is VND 165,152,140,000 with the process for capital increase as follows:



No,	Date	Capital (1.000 VND)
1st time	06/2004	33.000.000
2nd tim	09/2005	42.900.000
3rd time	08/2007	63.480.000
4th time	12/2008	80.026.260
5th time	07/2009	101.026.260
6th time	10/2009	132.026.260
7th time	1/2010	165.152.140
8th time	7/2011	182.758.700

DEVELOPMENT ORIENTATION

VISION

- » With a view to providing all logistics services, the company has mobilized all resources to develop all important logistics services such as transportation, warehousing and yard, ICD, customs tax declaration, transportation, and installation of super-weight and super-long goods, etc.
- » Become one of the leading companies in logistics services in Vietnam,
- » Keeping the sustainable competitiveness against impacts from the market.

DEVELOPMENT STRATEGIES

- » Proceeding the investments in Phase II – the bonded area and the logistics area in HCMC High Tech Park, and becoming the main supplier of logistics services in the park.
- » Stepping up the development of the Transimex Saigon brand to enhance its competitiveness locally and abroad; striving to expand the company's operating scale and maintaining its competitiveness during the process of the country's international economic integration.
- » Expanding the company's operating scale and scope and speeding up the company's development to make it one of the leading businesses in import and export forwarding services in Vietnam.
- » Investing in the expansion of the inland waterway port system, logistics and warehousing services network, import and export transportation and forwarding in EPZs, IPs and other key economic areas.

OBJECTIVES

- » With its business method: Fast - Safe - Accuracy – Cost-effective, which is aimed at satisfying the increasing needs of local and foreign customers, the company has associated with its partners to make the best use of its resources in order to create more services and improve the company's competitive advantage
- » The company's business results are always steady, with a growth of 15% - 20% per year. The company's market share and customer source has also expanded, while workers' income has continuously increased.

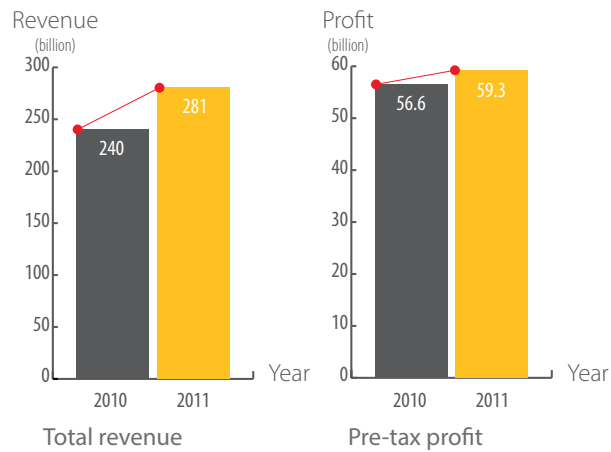
BOARD OF MANAGEMENT'S ANNUAL REPORT TO THE 2011-2012 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Implementing the resolution of the 2010-2011 annual General Meeting of Shareholders, the Board of Management would like to report to shareholders about the company's operating results in 2011, and about the action plan to the Board of Management in 2012 as follows:

THE OPERATING RESULTS OF THE COMPANY IN 2011

In the fiscal year from 01/4/2011 to 31/3/2012:

- » Total revenue: VND281.2 billion, up 17% from 2010
- » Pre-tax profit: VND59.6 billion, up 5% from 2010
- » Ratio of the pre-tax profit to total revenue: 21.2%
- » Dividend in cash: 6%
- » Bonus shares: 5%



In 2011, the Board of Management directed the Board of Directors to implement the following plans for cooperation, investment and development:

- » Investing in the Hai An Port to hold 25% of the charter capital of the Haiants Co., Ltd. However, after merging the Hai An Shipbuilding Co into Hai An Transport and Stevedoring JSC (Hai AN Port) under a plan approved by the Shareholders' General Meeting of Hai An Transport and Stevedoring JSC, Transimex Saigon's

stake in Haiants Co., Ltd. reduced to 20.2% (since the company's charter capital increased after the merge. The Hai An Container Port began operating and received the first vessel in as early as March 2011, but it gained a total net profit of VND16.8 billion. The figure is expected to increase to VND37 billion in 2012, according to the Hai An Transportation and Handling Co., Ltd.'s budget plan.

- » Investing in Vinafreight (VNF) and holding 24.83% of the charter capital of this company, opening good opportunities for effective cooperation in logistics services between Transimex-Saigon and Vinafreight.
- » Under the close direction of the chairman of the Management Board and the clear-headed leadership of the Board of Directors, the company signed logistics contracts for many major projects, including the Vinh Tan 2 Thermal Power Plant project with Shanghai Power and Gas Group; Nghi Son 1 and the second plant with Nestle Vietnam. The company also signed cold storage lease agreements with such companies as VISSAN and Vietnam Husbandry JSC.

However, the company did not develop a number of projects, including the project for bonded house and warehouses and yards for import and export goods at land lot D11, Dinh Tram Industrial Park, Bac Giang Province; and the project for warehouses at the HCMC High Tech Park, due to their infeasibility caused by high rates of land rent, the low ratio of construction area to total project area; disadvantageous market conditions.

BOARD OF MANAGEMENT’S ANNUAL REPORT

TO THE 2011-2012 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

THE MANAGEMENT BOARD’S ACTIVITIES IN 2011:

Management Board Members:

On August 31, 2011, the Management Board agreed to the resignation by Nguyen Hong Quang, deputy chairman of the Management Board from his post from September 1, 2011.
The Management Board appointed Mr. Le Duy Hiep to the post of deputy chairman of the Management Board from September 1, 2011.

The list of Management Board members at Mar 31, 2012:

▸ Mr. Bui Tuan Ngoc	Chairman
▸ Mr. Le Duy Hiep	Vice chairman
▸ Mr. Vu Chinh	Member
▸ Mr. Nguyen Viet Cuong	Member
▸ Mr. Huynh Minh Thao	Member

In order to implement the duties entrusted by the General Meeting of Shareholders, the company’s Management Board developed the Company’s activities according to the Company’s Charter.

Resolutions of the Management Board from the 2011 General Meeting of Shareholders till now

Since the annual 2011-2012 General Meeting of Shareholders, the Management Board has organized 11 meetings to pass the following main issues:

- » Choosing the A & C Audit and Consultancy Company as the auditor for the financial statements of the Company for the fiscal year 01/4/2011-31/3/2012.
 - » Passing the resignation of Nguyen Hong Quang as a member of the Management Board
 - » Electing Mr. Le Duy Hiep, a Management Board member and General Director, to the post of deputy chairman of the Management Board of the Company from September 1, 2011.
 - » Appointing Mr. Ton That Hung to deputy general director of the Company from October 1, 2011.
 - » Passing the transfer of all of the shares of Saigon Maritime JSC that the Company had held.
 - » Passing the policy of investment in Vinafreight.
 - » Passing the plan of getting loans from Eximbank.
- » Passing the time and location for the General Meeting of Shareholders for the fiscal year 01/4/2011- 31/3/2012.
 - » Passing the time limit for completing the list of participants of the General Meeting of Shareholders.
 - » Passing the Report of 2011 Wage Fund and the plan for the 2012 Wage Fund.
 - » Passing the Reports and Statements to be presented at the 2011-2012 General Meeting of Shareholders.
 - » Appointing Mr. Pham Truong Son to the Management Board to replace a resigned member.
 - » Appointing Mr. Do Xuan Quang to the Management Board to replace a resigned member.
 - » Passing a number of issues within the authority of the Management Board.

THE RESULTS OF IMPLEMENTATION OF THE RESOLUTION OF THE 2010-2011 ANNUAL GENERAL MEETING OD SHAREHOLDERS

In 2011 the Board actively carried out the resolution of the 2010-2011 annual General Meeting of Shareholders, but the following issues remained unresolved:

- » Dividend payment in 2011 :The Company did not pay dividend at the rate of 10 percent in cash as required in the resolution, because the Company paid dividend at a higher rate, 35 percent, in 2010, and because the change in the dividend payment policy led to a reality that the source for dividend payment was enough only to pay dividend in cash at 6 percent and bonus shares at 5 percent. Dividend and bonus shares for 2011 is expected to be paid in June 2012. Dividend payment and bonus shares in 2012 will be carried out at a higher rate, from 12-15 percent.
- » Issuing shares to mobilize capital for warehouses and equipment in the High-tech Park : After considering the pre-feasibility study, the Board of Directors found that the time of capital return for the project was too long and then proposed the Board of Management to stop the project. The Board of Directors will submit to the 2011-2012 annual General Meeting of Shareholders a plan for cancelling of share issuance for approval.

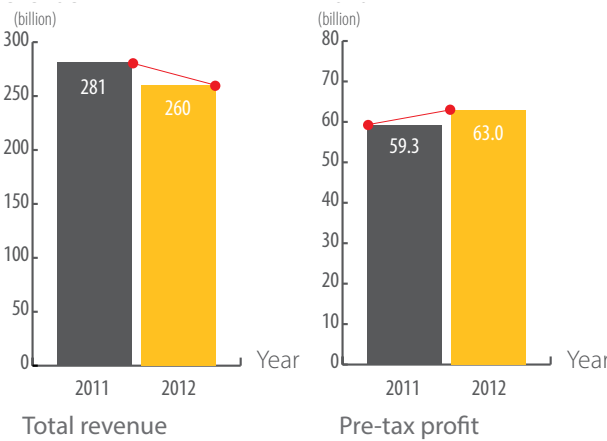
THE RESULTS OF SUPERVISION BY THE BOARD OVER THE COMPANY’S OPERATIONS

The provision of information and reports to the Board’s members were carried out regularly and fully, facilitating the direction and supervision of the Board over the Company’s activities. The Board’s members fulfilled their duties and contributed to the operating results of the Company in 2011.

During its supervision, the Board realized that the Board of Directors carried out the resolutions of the Board of Management, provided information in time, and adjusted the business schedule in accordance with the Company’s actual conditions and the request of the Board of Management.

ACTION PLAN OF THE BOARD IN 2012

- » Organizing successfully the 2011-2012 annual General Meeting of Shareholders to decide on issues that are within the authority of the General Meeting of Shareholders.
- » Carrying out the business plan for the fiscal year from 01/4/2012 to 31/12/2012:
 - Total revenue: VND260 billion, equal to 92.46% of the results in 2011;
 - Pre-tax profit: VND63 billion, up 5.7% from the results in 2011;
 - Dividend, bonus shares: expected to be from 12 -15%.



- » Continuing developing the investment projects included in the company’s 5-year development plan. Continue to increase investmental ratio in company of the same career, potential company, especially companies working in the field of ocean port, ICD, air services, Speeding up in cooperating with these companies to improve the general logistics service chain of Transimex Saigon.

BOARD OF MANAGEMENT'S ANNUAL REPORT

TO THE 2011-2012 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

ACTION PLAN OF THE BOARD IN 2012:

- » Continuing increasing the investment rate in the Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company: In order to maintain the initial stake of 25%, the company needs to purchase an additional amount of 1,111,558 shares in the treasury share source of Hai An. The investment in the purchase is estimated at about VND21 billion (based on the SSI's evaluation before merging Hai An Shipbuilding Co to the Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company).
- » Stepping up the strategic cooperation with Vinafreight through the following activities:
 - Optimizing Vinafreight's use of Transimex's services such as ICD, transport services, forwarding services for super-long and super-weight goods and for cargoes for projects.
 - Closely cooperating with Vinafreight in air cargo services at SCSC, transportation of air cargo in transit of some airlines operating on the HCMC-Cambodia route.
 - Through Vinafreight and its subsidiaries, developing the provision of air general agent services for a number of airlines.
- » Setting up the Airfreight Logistics Department to carry out services related to air cargo to implement

the cooperation program between the company and Vinafreight.

- » Strengthening investments in equipment for forwarding services for project cargo and super-long and super-weight goods to develop this service since it is a high profitable service. Profit will be higher if the company can make the best use of its own equipment and reduce leasing equipment.
- » Continuing directing and assisting the Board of Directors in seeking new projects.
- » Strengthening the implementation of the company's operating regulations applicable for listing companies on the Stock Exchange to improve the company's management efficiency.
- » Strengthening the implementation of the company's risk management in its business activities.
- » Organizing at least a regular meeting every quarter to discuss and pass reports and plans and direct the implementation of resolutions of the General Meeting of Shareholders.
- » Closely supervising and timely improving the Board of Directors' activities, especially making the best use of the ICD Transimex and the truck fleet of TMS TRANS.

Board of management believes that, with the highly support of foreign and domestic customers, the support of strategy partners, the intine and keen instruction of BOM, Board of Executive, the self-motivation and enthusiasm in work, the solidarity and uniting efforts of all members in company , Transimex – Saigon definitely will create the general power, archieve the rapid and stability development in the year of 2012 and in the following years, obtain the target of becoming a leading company in the field of general logistics service.

TRANSFORWARDING WAREHOUSING CORPORATION – HCM CITY
FOR THE BOARD OF MANAGEMENT
Chairman



Bui Tuan Ngoc

BOARD OF DIRECTOR'S REPORT

REPORT ON OPERATING RESULTS FOR FISCAL YEAR 2011 (1/4/2011-31/3/2012)

OVERVIEW:

Last year while the world economic situation experienced complicated fluctuations, Vietnam's economy faced many difficulties and challenges, with the inflation rate running high and the interest rates increasing by 17-18 percent on average compared to the 2%-4% rates in other countries in the region. The year also saw consumer demand decline both in international and Vietnam. A slowdown of the European market due to the public debt crisis in a number of EU countries, leading to a significant decrease of import and export activities. As a result, the marine and logistics market were affected in general, with many European carriers cut their direct routes from Cai Mep to Europe. However, the country's import and export turnover increased, with excess of import over export, more or less creating positive effects on the logistics sector in general and the company in particular. In such a context, the Board of Management and Board of Directors made great efforts in adopting proper policies to make the best use of the company's capabilities in order to fulfill its business targets set for the year.

OPERATING RESULTS IN 2011:

With a view to achieving the year's targets, the Company tried to well organize its supply of logistic services and streamline business processes to increase productivity and service quality. The company also stepped up branding promotion, search for potential new clients with maximizing the strengths of Port Warehouse Center after being upgraded. Overall the results are acceptable in the situation, the overall context of the same business enterprise. However, looking at each area, the area still has much work needs to seriously regulate the coming fiscal year.

Targets

a) Output (fiscal year from 01/4/2011 to 31/3/2012):

- » Import and export freight forwarding:

Air freight (Tấn)			Sea freight					
			Full container load (Teu)			Less container load (Cbm)		
Results	Plan	Rate	Results	Plan	Rate	Results	Plan	Rate
2011	2011	(%)	2011	2011	(%)	2011	2011	(%)
1,097	1,925	56.99	21,885	18,878	115.93	19.996	37.021	54.01

- » Container traffic through ICD Transimex and transport companues:

Container of cargo (Teu)			ICD Empty container (Teu)			CFS warehouse (Cbm)		
Results	Plan	Rate	Results	Plan	Rate	Results	Plan	Rate
2011	2011	(%)	2011	2011	(%)	2011	2011	(%)
183,690	160,000	114.81	111,024	110,000	100.93	207,784	231,353	89.81

Bonded warehouses Import (M3)			Export (Tấn)			Cold storage (Ton)			Transport companies (Teu)		
Results	Plan	Rate	Results	Plan	Rate	Results	Plan	Rate	Results	Plan	Rate
2011	2011	(%)	2011	2011	(%)	2011	2011	(%)	2011	011	(%)
25,333	23,500	107.80	7,664	12,000	63.87	9,691	51,000	9.00	2,712	20,000	113.56

BOARD OF DIRECTOR'S REPORT

REPORT ON OPERATING RESULTS FOR FISCAL YEAR 2011

(1/4/2011-31/3/2012)

OPERATING RESULTS IN 2011:

b) Financial targets (fiscal year from 01/4/2011 to 31/3/2012):

- » Total revenue: VND281.2 billion, up 17% from 2010
- » Pre-tax profit: VND59.6 billion, up 5% from 2010
- » Ratio of the pre-tax profit to total revenue: 21.2%
- » Dividend in cash: 6%
- » Bonus shares: 5%

Key business activities:

a) Services:

- » Stepping up operations at the ICD Transimex, maximize its capacity and efficiency, and making the best use of its advantage in the region, with focuses put on strengthening services related to cold storage and CFS warehouse, maximize the capacity of the container yard, and expanding other services in which the company has a competitive advantage, such as those related to storage and transport of rice or coffee for export.
- » Boosting container transportation by barges, including the barges received from the Saigon Maritime JSC 2 and those hired) and creating a connection between ICD Transimex and other ports such as VICT, SPCT, Cai Mep, Cat Lai, and Tan Cang. The volume of containers handled through ICD Transimex increasingly grew and brought high efficiency.
- » The logistics department, the agency cooperation department, and branches actively sought new customers, expanded new markets, and took good care of our traditional customers. They signed contracts to carry out cargo forwarding and transportation services for normal and super long and super weight goods for major projects like Vinh Tan 2 Thermal Power Plant, Nghi Son 1, Plant No. 2 of the Nestle Company, and Pepsico.
- » Container transportation services of TMS TRANS has developed well thanks to the chairman of Management Board's and the Board of Directors' direction and supervision in relation to re-arrangement of truck fleet, cost management, fuel consumption norms, and re-structure of services of high profitability. Currently, TMS-TRANS's operations have become stable and efficient.
- » TMS Property's office lease activities has brought high profit. Despite a decline of about 30% in office rent on the market, the office building with a total floor area of 8,000 m2 has remained attractive to customers, thanks to its favorable location and good services.
- » Branches' activities: The Da Nang branch stepped up its services and launched new services (transporting transit goods to Laos), bringing high efficiency and achieving performances that were beyond its targets. The Hai Phong branch gained the same good performances as the Da Nang branch. Meanwhile, the Hanoi branch did not fulfill its targets due to some reasons, including the delay of a project, the slowdown in business of a key customer due to changes to the State's relevant policies, poor performances in seeking new customers, and excessive reliance on major customers.

OPERATING RESULTS IN 2011:

b) Finance – financial investment & relations with shareholders:

- » Fulfilling the year's financial investment plan, including profits gained from Nippon Express joint venture and other financial investment targets. Regarding stock exchange investment, the company has reduced its stake at the Saigon Maritime JSC as a result of a capital restructure. The company completed the purchase of 24.83% of the charter capital of Vinafreight to become one of its strategic



shareholders. The company also increased its stake at the Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company to 20.2% after the Hai An Shipbuilding Co. was merged into this company. Currently, this company and Vinafreight has developed well, with an annual growth rate of 30 percent in both sales and profit.

- » The company's investment management has been improved and brought positive results. The company has taken many measures to control its investment in other businesses and applied proper solutions to capital conservation and development.
- » Dividend payment: As a result of the company's dividend payment at a rate of 35% in 2010 and the changes in the State Securities Committee, the company could only paid dividend at 5 percent and bonus share at the same rate in 2011. Dividend and bonus share payment is expected to be made in June 2012. The company expects it can pay dividend at a higher rate in 2012. Particularly, during the past 9 months, the company has tried to pay dividend at a rate from 12-15%.
- » Debenture issuance and debenture conversion: The company has conversed VND32.5 billion worth of convertible debentures (conversion rate: VND18,600 per share) and completed procedures for increasing its charter capital in 2011. As for VND67.5 billion worth of convertible debentures due on June 15, 2012, in case debenture holders do not make a conversion, the company will restructure its capital from short term to medium term through some measures as using medium- and long-term loans and the equity

to pay the principals of debentures when they fall due or carrying out negotiations to defer payments of debentures to a medium term.

- » Charter capital: The Company's charter capital increased by VND17 billion (equivalent to the value of convertible debentures) to VND182.7 billion in 2011. After paying bonus shares at 5% for the fiscal year 2011, and if the conversion of VND67.5 billion worth debentures is successful, the charter capital by the year end will be increased to VND228 billion in maximum.
- c) Personnel organization and other issues:
 - » The company carried out the personnel restructure at the holding company and its affiliates. Specifically, it directly supervised TMS-TRANS's operations to improve business results and arranged personnel in management boards at joint stocks companies where it holds a stake.
 - » Setting up an operation mechanism for the company's internal control and supervision committee, and maintaining the company's management and operation system under the ISO 9001-2008 – version: QP-TMS-2010, and the ERP.
 - » Strengthening management and upgrade of the company's website and continuing the campaign to “practice thrift and fight corruption and wastefulness”; making the cost-saving practices a long-term and constant police as well as one of the contents of the company's business culture.
 - » Taking part in charitable social activities initiated by the city authorities and SATRA; organizing internal sports events to promote the exchange and solidarity among the company's departments and employees; and organizing sports events with the participation of clients to strengthen business relationships.

BOARD OF DIRECTOR’S REPORT

BUSINESS PLAN FOR 2012
(THE FISCAL YEAR: 01/4/2012-31/12/2012)

OVERVIEW

As the world economy has been forecast to experience fluctuations in 2012, many world leading financial organizations like the World Bank and the Asia Development Bank has foreseen that Vietnam’s economic growth this year is just 5%. In such a context, the country’s transport and logistics sector will more or less be impacted. However, Transimex Sai- gon is determined to step up the development of its key services (transport, logistics, port services, warehouses and yards), strengthen cooperation with strategic partners including Nippon Express, the traditional joint venture partner and companies in which Transimex-Saigon has pledged to make long-term investments, such as Hai An Transport & Handling JSC and Vinafreight.

TARGETS FOR 2012 & SOLUTIONS

Targets:

a) Output (for the fiscal year: 01/4/2012 - 31/12/2012):

» Import and export freight forwarding output:

Air cargo (ton)			Sea cargo					
			FCL (Teu)			LCL (Cbm)		
Plan 2012	Results 2011	Rate (%)	Plan 2012	Results 2011	Rate (%)	Plan 2012	Results 2011	Rate (%)
991	1,097	90.34	20,302	21,885	92.77	48,508	19,996	242.59

» Container traffic through ICD Transimex:

ICD						Kho CFS (Cbm)		
Cargo container (Teu)			Empty container (Teu)					
Plan 2012	Results 2011	Rate (%)	Plan 2012	Results 2011	Rate (%)	Plan 2012	Results 2011	Rate (%)
137,000	183,690	74.58	85,000	111,024	76.56	161,000	207,784	77.48

Bonded warehouse						Cold storage (ton)		
Import (M3)			Export (ton)					
Plan 2012	Results 2011	Rate (%)	Plan 2012	Results 2011	Rate (%)	Plan 2012	Results 2011	Rate (%)
25,900	25,333	102.24	3,000	7,664	39.14	14,850	9,691	153.23

» Domestic road and waterway freight transport output:

Truck (Teu)			Barge (Teu)	
Plan 2012	Result 2011	Rate (%)	Plan 2012	
22,000	22,712	96.87	37,350	

BOARD OF DIRECTOR’S REPORT

REPORT ON OPERATING RESULTS FOR FISCAL YEAR 2011
(1/4/2011-31/3/2012)

TARGETS FOR 2012 & SOLUTIONS

b) Finance (for the fiscal year: 01/4/2012 - 31/12/2012):

- » Total revenue: VND 260 billion, equal to 92.46% of the results in 2011;
- » Pre-tax profit: VND 63 billion, up 5.7% from the results in 2011;
- » Dividend, bonus shares: expected to be from 12 -15%.

Main solutions & duties:

- » Transimex-Saigon’s tasks in 2012 are to increase the out- put of logistics services, strengthen marketing activities to seek new customers, improve quality of services, and expand operations of ICD Transimex, including the con- tainer yard, CFS, cold storage, and bonded warehouses. Special attention should be paid to seeking customers for the cold storage, improving the operation of the CFS warehouse and the bonded warehouse to enhance ca- pacity and efficiency; strengthening the direction and supervision of TMS-TRANS’s business activities to help it fulfill its business plan in its first year of operation.
- » Expanding waterway container transportation services between the ICD Transimex and other ports like Cai Mep, Phu My and VICT; purchasing three more barges (96 Teu – 2,400 tons/barge to increase the transportation capacity from 7,200 tons to 15,000 tons.
- » Further restructuring the company’s organization and personnel system to make them simpler but more effec- tive; steeping up human resource training; consolidating and developing the agency system in the region and the world through the company’s traditional and reliable partners to expand and diverse international transport and forwarding services.
- » Promoting programs for joint ventures, associations, and investment cooperation with traditional and strategic part- ners; increasing the company’s stake in the Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company (Hai An Container Port – Hai Phong City) to at least 25% of the charter capital after the Hai An Shipbuilding Company into this company; propos- ing an increase of the charter capital of Nippon Express (VN); turning the short term investment at Vinafreight into the long term one to enhance the outcome of the service cooperation and association with Vinafreight; setting up an airfreight logis- tics department to realize the cooperation with Vinafreight in developing airfreight transport, including airfreight and transit airfreight.
- » Strengthening regular inspection, analysis and evaluation of the company’s operation to find obstacles, if any, and seek solutions to remove them in time.
- » Further developing training and self-training for employ- ees, recruiting qualified personnel for departments, and perfecting the organizational structure of sales & market- ing, logistics, airfreight logistics, and the barge transport service center.
- » Further learning about phase 2 of the HCM City High Tech Park based on the experience gained from phase 1, and reporting to the Board of Management a possible busi- ness plan or potential business partners.

Under the proper and timely leadership of the Board of Management, the Board of Directors and all the company staff are deter- mined to make the best use of possible opportunities to develop the company’s operations, seek new business opportunities, and take advantage of cooperation and association with all strategic partners and bring into play the company’s competitive edges.

The entire staff of Transimex-Saigon enter the year 2012 with an optimism and confidence that the company’s operating results will exceed the targets set by the 2012 annual General Meeting of Shareholders.

GENERAL DIRECTOR



Le Duy Hiep

INSPECTION COMMITTEE’S REPORT TO THE 2010-2011 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

INSPECTION COMMITTEE

- » Representatives of the Inspection Committee have attended all the meetings of the Board of Management and the Board of Directors to maintain regular supervision over the Company and take part in discussing the Company’s development orientation in each period.
- » Representatives of the Inspection Committee also participated in daily management activities of the Company to obtain correct and regular information about the Company’s business activities;
- » Members of the Inspection Committee also regularly consult each other to assess the Company’s activities to have a comprehensive assessment on all activities of the Company and put forward timely opinions.
- » The Board of Management maintained regular meetings, closely monitored the company’s business activities, and adopted timely policies to enable the Board of Directors to operate the company’s business in accordance with the market’s developments.

EVALUATION OF THE COMPANY’S OPERATING RESULTS:

The Company has tried to overcome all difficulties and challenges in 2011 to carry out the targets set by the 2010-2011 Shareholders’ General Meeting. The operating results were not satisfactory as expected but they were still remarkable:

Operating results in 2011 (consolidated):

- » Total revenue: VND281.2 billion, up 17% from 2010
- » Pre-tax profit: VND59.6 billion, up 5% from 2010

Investment and development situation:

- » The Company has increased investments in the Hai An Port Project.
- » The Company has stepped up the development of key logistics services such as warehousing and road and waterway transportation.
- » The Company has invested in Vinafreight, which has the same line of businesses.

Comments:

The company’s operating results in 2011 came from the great efforts of all the staff and the Board of Management and the Board of Directors in operating business activities.

CONCLUSION AND PROPOSALS:

- » The Inspection Committee did not detect any abnormality in TMS’s activities in 2011.
- » The company experienced a lot of difficulties and fluctuations in 2011. The Inspection Committee finds that the company is facing more challenges than advantages. However, the company’s business activities has still developed well and trended to expand. The Committee attributed such good performance to the great efforts of the company’s Board of Management and Board of Directors.
- » The Company has complied with the operating processes under the requirements of the internal management system. The internal control system operated well and in compliance with the requirements of current accounting standards and principles.
- » The Inspection Committee agreed with the audit unit’s opinion that the Company’s financial statements truly and fairly reflect the operating situation of the company.

CHIEF SUPERVISOR



NGUYEN CONG HIEU



TRANSIMEX-SAIGON
Trụ sở chính: Lầu 9 - 10, TMS|BUILDING,
172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

T: + 84 - 8-2220 2888 (16 lines)
F: + 84-8-2220 2889
E: info@transimexsaigon.com
www.transimexsaigon.com